



SAIGON WATER CORPORATION

PHUWACO

Thương hiệu cấp nước, vững bước cùng bạn!

Số: 259 /TB-PHT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, 22 ngày tháng 3 năm 2022

THÔNG BÁO MỜI HỌP

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 15 - năm 2022, cụ thể như sau:

1. Thời gian đại hội: **8h 00', thứ năm, ngày 14 tháng 4 năm 2022**
2. Địa điểm tổ chức Đại hội: Hội trường Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân
Số 86 Tân Hưng, Phường 12 – Quận 5, Tp.HCM.
3. Thành phần tham dự: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu **PJS** có tên trong danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán chốt ngày **10/03/2022**.
4. Nội dung chương trình:
 - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, tổng kết 5 năm hoạt động sản xuất kinh doanh 2017 – 2021 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022;
 - Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán; Kế hoạch tài chính năm 2022;
 - Phân phối lợi nhuận: mức chia cổ tức năm 2021 và trích lập các quỹ;
 - Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty năm 2021, tổng kết nhiệm kỳ III (2017 – 2021).
 - Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm tra hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, tổng kết nhiệm kỳ III (2017 – 2021).
 - Trình Đại hội đồng cổ đông chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 – Đính kèm Dự thảo Hợp đồng;
 - Báo cáo tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2021 và trình Đại hội đồng cổ đông duyệt kế hoạch lương, thù lao Người quản lý năm 2022;
 - Trình ĐHĐCĐ chấp thuận Dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và ủy quyền cho HĐQT chấp thuận Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch khi điều khoản hợp đồng có sự điều chỉnh – Đính kèm Dự thảo Hợp đồng.
 - Bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ IV (2022 – 2026).

Tài liệu Đại hội: toàn bộ tài liệu và biểu mẫu họp Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán, hồ sơ ứng cử/đề cử được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ: www.phuwaco.com.vn (vào mục “Quan hệ cổ đông” chọn “Đại hội đồng cổ đông”).

5. Thời gian đăng ký, xác nhận tham dự Đại hội và gửi hồ sơ ứng cử, đề cử:

Để thuận tiện cho công tác tổ chức, đề nghị Quý cổ đông lưu ý một số nội dung sau:

- Quý cổ đông thực hiện thủ tục đăng ký xác nhận tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự (theo mẫu); Gửi hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV (2022 – 2026) theo thông báo về tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục đề cử và tự ứng cử trong phần tài liệu Đại hội được đăng trên Website Công ty; Thời hạn và nơi nhận: Tổ Thư ký thông qua số ĐT: (028) 38.558.410; Fax: (028) 39.555.282; Email tothukyphuwaco@gmail.com hoặc gửi đến địa chỉ: 86 Tân Hưng Phường 12 – Quận 5, Tp.HCM trước **17h00, ngày 10/4/2022**.
- Quý cổ đông khi đi dự Đại hội, vui lòng mang theo CCCD/CMND hoặc hộ chiếu để đăng ký. Đối với trường hợp được ủy quyền, đề nghị mang theo: Giấy ủy quyền (bản chính), bản sao CCCD/CMND hoặc hộ chiếu của cổ đông và bản chính Giấy CCCD/CMND hoặc hộ chiếu của người được ủy quyền.
- Nhằm đảm bảo đảm bảo an toàn sức khỏe khi tập trung đông người trong điều kiện phòng chống dịch Covid-19, Công ty đề nghị Quý cổ đông thực hiện:
 - Khai báo y tế và nơi đến thông qua ứng dụng PC Covid khi đến tham dự Đại hội.
 - Tuân thủ nghiêm 5K trong suốt thời gian tham dự Đại hội.

Thông báo này thay thế cho thông báo gửi cho từng cổ đông trong trường hợp cổ đông không nhận được thông báo qua đường bưu điện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TTKP



Lê Thị Thanh Tâm



**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Thời gian: 8g 00', thứ năm ngày 14/4/2022

Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân

| Thời gian | Nội dung |
|-------------------------|---|
| 8g00 - 8g30 | Đón khách và đăng ký cổ đông |
| | Phát tài liệu và phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết, phiếu bầu |
| THỦ TỤC KHAI MẠC | |
| 8g30 - 8g45 | Tuyên bố lý do |
| | Giới thiệu đại biểu, Đoàn chủ tịch |
| | Đề cử Đoàn thư ký |
| | Bầu Ban kiểm tra tư cách cổ đông, đồng thời là Ban kiểm phiếu, Ban bầu cử |
| | Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông |
| | Chủ tịch HĐQT đọc lời khai mạc ĐHĐCD 2022 |
| | Thông qua thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội |
| | Thông qua chương trình Đại hội |
| NỘI DUNG ĐẠI HỘI | |
| 8g45-10g30 | Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung: |
| | Báo cáo kết quả SXKD năm 2021; Tổng kết 5 năm hoạt động SXKD (2017 – 2021) và Kế hoạch SXKD năm 2022. |
| | Báo cáo kết quả tài chính năm 2021 đã kiểm toán; Kế hoạch tài chính năm 2022; Phân phối lợi nhuận: mức chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2021. |
| | Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và tổng kết nhiệm kỳ III (2017 – 2021) |
| | Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả giám sát tình hình hoạt động SXKD năm 2021 của Công ty, tổng kết nhiệm kỳ III (2017 – 2021) |
| | Trình ĐHĐCD chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2022 – Đính kèm dự thảo Hợp đồng |
| | Báo cáo tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2021 và trình ĐHĐCD duyệt Kế hoạch lương, thù lao Người quản lý năm 2022. |
| | Trình ĐHĐCD chấp thuận các Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của |

| Thời gian | Nội dung |
|------------------------|---|
| | Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và ủy quyền cho HĐQT chấp thuận các Hợp đồng mua bán sĩ nước sạch khi điều khoản Hợp đồng có sự điều chỉnh– Đính kèm Dự thảo Hợp đồng |
| | Bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV (2022 – 2026). |
| | Thông qua danh sách và lý lịch nhân sự ứng cử vào HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV (2022 – 2026) |
| | Hướng dẫn và tiến hành bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV (2022 – 2026). |
| 10g30 -10g45 | Đại hội nghỉ giải lao |
| 10g45-11g15 | Ý kiến của cổ đông Chủ tọa đoàn giải đáp thắc mắc, kiến nghị của cổ đông |
| 11g15-11g30 | Công bố kết quả kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV (2022 – 2026). |
| | Tặng quà thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ III (2017 – 2021) và ra mắt, tặng hoa thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV (2022 – 2026). |
| TỔNG KẾT BẾ MẠC | |
| 11 g30 – 11g45 | Biểu quyết thông qua các nội dung của đại hội |
| | Thông qua Dự thảo Nghị quyết đại hội |
| | Thông qua Biên bản đại hội |
| | Phát biểu tổng kết đại hội |



SAIGON WATER CORPORATION

PHUWACO

Thương hiệu cấp nước, vững bước cùng bạn!

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. HCM, ngày 22 tháng 3 năm 2022

**THẺ LỆ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 15 – NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN**

Đại Hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 15, năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân được tiến hành trong không khí trang trọng, hợp lệ và thành công tốt đẹp, đề nghị cổ đông tham dự thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nghĩa vụ của mình dưới đây:

1. Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 10/03/2022 được quyền tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.
2. Tất cả cổ đông, đại diện cổ đông đã làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 được quyền tham gia phát biểu ý kiến và biểu quyết tại Đại hội.
3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa đoàn điều khiển Đại hội. Cổ đông tham gia Đại hội phải tuân thủ theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn nhằm tạo điều kiện cho Đại hội diễn ra một cách thuận lợi, nhanh chóng và hợp lệ.
4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi đạt trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Riêng nội dung trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty thông qua Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Công ty mẹ) sẽ được thông qua khi đạt trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông không có lợi ích liên quan dự họp chấp thuận.
5. Việc lấy ý kiến được thực hiện theo hình thức biểu quyết. Chủ tọa hoặc người điều khiển đại hội sẽ xác định trên cơ sở kiểm tra của Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu sẽ chịu trách nhiệm về tính chính xác của số phiếu biểu quyết. Mỗi cổ đông có 3 loại phiếu biểu quyết:
 - a. Phiếu màu **vàng**: Phiếu đồng ý
 - b. Phiếu màu **hồng**: Phiếu không đồng ý
 - c. Phiếu màu **trắng**: Phiếu không có ý kiến

Khi biểu quyết, cổ đông sẽ giơ một trong 3 loại phiếu trên để biểu quyết. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm thống kê Phiếu biểu quyết từng loại và báo cáo cho Chủ tọa để công bố kết quả biểu quyết.

6. Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Thư ký đoàn ghi chép đầy đủ vào Biên bản và thông qua tại Đại hội trước khi bế mạc.
7. Thẻ lệ làm việc và biểu quyết này được đọc trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông. Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các cổ đông. ✓

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Thị Thanh Tâm

Quận 5, ngày 26 tháng 01 năm 2022

Số: 051 /BC-PHT-KHĐT

BÁO CÁO

Tổng kết hoạt động SXKD 2021 - Kế hoạch năm 2022

I. Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD sản xuất kinh doanh năm 2021:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021:

| CHỈ TIÊU | ĐVT | KẾ HOẠCH NĂM 2021 | THỰC HIỆN NĂM 2021 | % THỰC HIỆN / KẾ HOẠCH 2021 | TĂNG GIẢM SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2021 |
|--------------------------------|---------------------|-------------------|--------------------|-----------------------------|------------------------------------|
| A- KINH DOANH: | | | | | |
| 1- Nước tiêu thụ | 1.000m ³ | 33.900 | 31.867 | 94,00 | - 2.033 |
| 2- Doanh thu tiền nước | tr đồng | 374.058 | 338.431 | 90,48 | - 35.627 |
| 3- Giá bán bình quân | đồng/m ³ | 11.034 | 10.620 | 96,25 | - 414 |
| 4- Thay định kỳ ĐHN cỡ nhỏ | cái | 17.700 | 17.702 | 100,01 | + 2 |
| 5- Thay định kỳ ĐHN cỡ lớn | cái | 21 | 23 | 109,52 | + 2 |
| 6- Gắn mới ĐHN | cái | 100 | 90 | 90,00 | - 10 |
| 7- % thất thoát nước bình quân | % | 14,50 | 14,30 | | - 0,20 |
| B- ĐẦU TƯ XÂY DỰNG: | | | | | |
| 2- Thay mới ống mục | mét | 3.135 | 1.545 | 49,28 | - 1.590 |

2. Đánh giá kết quả thực hiện:

a) Về kinh doanh nước sạch:

Dịch Covid trên địa bàn Thành phố diễn biến nghiêm trọng suốt cả năm 2021, đặc biệt là trong quý 3, thành phố phải thực hiện giãn cách triệt để theo Chỉ thị 16/CT-TTg, ảnh hưởng đến mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các công tác phải tiếp xúc với khách hàng bị tạm ngưng hoàn toàn như: đọc số, kiểm tra định mức, giá biểu, thu tiền nước, thay ĐHN, bấm chỉ ĐHN, ... Các hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ, giáo dục, ... trên địa bàn đều bị ngưng trệ làm giảm lượng nước tiêu thụ và giá bán bình quân của Công ty.

Đến nay, những khách hàng chiếm tỷ trọng sản lượng, doanh thu cao của đơn vị đều tạm ngưng, chưa hoạt động hoặc hoạt động không hết công suất như Trường Đại học Bách

khoa, Học viện Hành chính Quốc Gia, Trung tâm thương mại Vạn Hạnh Mall, Khu dân cư Hà Đô,

Việc thu tiền nước của khách hàng trong năm cũng gặp trở ngại do nhiều khách hàng khó khăn về kinh tế. Công ty đã hỗ trợ cho hơn 10 trường hợp đóng tiền nhiều lần/kỳ, triển khai thu tiền nước tại nhà, nhắc nợ khách hàng qua nhiều kênh liên lạc.

Công tác cải tạo mạng lưới, dò bể ngầm và các công tác mạng lưới cũng phải tạm dừng trong quý 3, chỉ thực hiện được sửa bể nổi, tiếp nhận online phản ánh khách hàng, kiểm tra tình hình chất lượng nước và khắc phục sự cố tại các tủ tín hiệu DMA.

Với những nguyên do trên, chỉ tiêu Nước tiêu thụ, Doanh thu tiền nước và Giá bán bình quân tiền nước năm 2021 thực hiện chưa đạt kế hoạch Công ty đề ra đầu năm, cụ thể là:

- Lượng nước tiêu thụ của Công ty năm 2021 đạt 94% kế hoạch, thấp hơn 2.033.000 m³ so với kế hoạch, bằng 94,65% lượng nước tiêu thụ năm 2020.
- Doanh thu tiền nước của Công ty năm 2021 đạt 90,48% kế hoạch, thấp hơn 35.627 triệu đồng so với kế hoạch, bằng 96,18% doanh thu tiền nước năm 2020.
- Giá bán bình quân tiền nước năm 2021 đạt 96,25% kế hoạch, thấp hơn 414 đồng/m³ so với kế hoạch, bằng 101,62% giá bán bình quân năm 2020.
- Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch được giữ vững 100% trên địa bàn, với tổng số 90.164 khách hàng cuối năm 2021.
- Công tác thu tiền nước đạt tỉ lệ thực thu 97,08%, thấp hơn so với 99,12% của năm 2020.
- Công tác thay định kỳ ĐHN cỡ nhỏ đạt 100,01% kế hoạch, thay định kỳ ĐHN cỡ lớn đạt 109,52% so với kế hoạch 2021.
- Năm 2021, Công ty đã thực hiện nhiều nghiệp vụ kinh doanh như:
 - + Kiểm tra điều chỉnh định mức và giá biểu 9.985 khách hàng cho phù hợp với việc sử dụng nước thực tế của khách hàng.
 - + Yêu cầu 686 khách hàng làm mất ĐHN, làm bể kính ĐHN hoặc làm đứt chì ĐHN đóng tiền thay ĐHN mới.
 - + Bấm chì khóa góc 1.892 ĐHN khách hàng sau khi thực hiện các dự án cải tạo ống mục, gắn mới, nâng dời, đổi cỡ ĐHN...
 - + Nâng dời 762 ĐHN do khách hàng xây sửa nhà hoặc ở vị trí khuất lấp.
 - + Thương lượng giảm cỡ 15 ĐHN khách hàng có lượng nước tiêu thụ thấp hơn cỡ ĐHN đang sử dụng, giúp cho lượng nước tiêu thụ được đo đếm chính xác và tiết giảm chi phí thay ĐHN cỡ lớn.
 - + Chủ động giải quyết các hoá đơn bị tính lỗi, tính dồn chỉ số, cấp bù định mức do tạm tính tiêu thụ trong mùa dịch khi thực hiện Chỉ thị 16.
 - + Tăng cường kiểm tra các trường hợp định mức lưu trú, tạm trú đã hết hạn, các trường hợp có định mức cao. Thực hiện chương trình kiểm tra định mức nước các khu chung cư, hộ tập thể.
 - + Kiểm tra điều chỉnh giá biểu các hộ kinh doanh ngưng kinh doanh do dịch và kinh doanh lại sau khi ngừng thực hiện Chỉ thị 16.
 - + Chấp nhận chỉ số ĐHN bằng hình chụp ĐHN của khách hàng gửi, khách hàng báo chỉ số qua nhiều kênh liên lạc trong tình hình thực hiện 5k.

- + Nhắc nợ tiền nước qua nhiều kênh liên lạc, triển khai thu tiền nước tại nhà khách hàng nhằm hạn chế khách ra vào Công ty nhiều. Cho phép khách hàng khó khăn thanh toán tiền nước nhiều đợt.
- + Xây dựng kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn phù hợp với tình hình phòng, chống dịch.
- + Triển khai làm việc cả Thứ 7, Chủ nhật nhằm thực hiện tốt nhất các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021.
- + Truy thu sử dụng nước 12 trường hợp với số lượng 3.738 m³ nước, số tiền hơn 85 triệu đồng.
- + Truy thu giá biểu, định mức 63 trường hợp với số tiền truy thu gần 623 triệu đồng.
- + Yêu cầu 4 nhà thầu thi công công trình hạ tầng làm bể ống cấp nước bồi thường 1.246 m³ nước với số tiền gần 62 triệu đồng.
- + Công ty đã thông qua thực hiện Đề án sáp nhập Đội Thu tiền vào Đội Quản lý ĐHN và tái cấu trúc thành 2 phòng mới: Phòng Kinh doanh quận 10 và Phòng Kinh doanh Quận 11, mỗi phòng đều có chức năng quản lý ĐHN và thu tiền nước trên địa bàn được phân công, đưa vào vận hành ngay trong quý I năm 2022.

b) Hoạt động chăm sóc khách hàng:

Công tác chăm sóc khách hàng được Công ty quan tâm chú trọng:

- Trong thời đại Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cùng với chương trình nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, Công ty đã đưa vào vận hành các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động SXKD tại đơn vị, nâng cao hình thức nộp hồ sơ, trả kết quả giải quyết trực tuyến, đảm bảo thuận tiện để khách hàng dễ thao tác với các dịch vụ.
- Cổng thông tin điện tử hành chính công <http://phuwaco.com.vn> phục vụ công tác truyền thông cũng như chăm sóc khách hàng của công ty đã được nâng cấp và có thể đạt cấp độ 3+ về dịch vụ công trực tuyến nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành cũng như quảng bá hình ảnh, thông tin của đơn vị, chăm sóc khách hàng với nhiều tiện ích.
- Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ theo Quyết định số 2545/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 phê duyệt Đề án Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020 và Chỉ thị số 22/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai các giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam, thời gian qua Công ty đã tăng cường mở rộng các dịch vụ thanh toán tiền nước trực tuyến. Công ty đã giảm thu tiền tại nhà, đẩy mạnh thanh toán hóa đơn tiền nước qua các tổ chức thanh toán trung gian và thanh toán trực tuyến, các ứng dụng ví điện tử, các đơn vị thu hộ.
- Do tình hình dịch Covid, giãn cách xã hội, xây dựng hệ thống tạm tính chỉ số bình quân 3 kỳ, thực hiện nhắn tin SMS đến khách hàng cung cấp chỉ số do không đi đọc số ngoài hiện trường, xây dựng Cổng thông tin để khách hàng báo chỉ số trực tuyến qua website Công ty.
- Đưa vào sử dụng hệ thống tin nhắn ZNS Zalo, gửi khách hàng quan tâm trang Zalo của Công ty, nâng số khách hàng liên lạc qua trang Zalo từ 8.000 lên 23.000.
- Thực hiện Hợp đồng điện tử làm nền tảng trung gian cho phép dễ dàng thực hiện ký kết các hợp đồng giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, doanh nghiệp với đối tác,

doanh nghiệp với cá nhân nhằm thay đổi phương thức ký kết truyền thống, xây dựng doanh nghiệp không giấy tờ, doanh nghiệp chuyển đổi số.

- Nâng cấp hệ thống văn phòng điện tử và ký số văn bản điện tử nhằm tối ưu hóa công việc, tiết kiệm thời gian, giảm thiểu các thủ tục hành chính, giảm nhiều loại chi phí. Ứng dụng văn phòng điện tử trên nhiều nền tảng Website, ứng dụng trên thiết bị di động thông minh.
- Thiết kế, đưa vào sử dụng mã QR Code trên biên nhận đơn thư trong công tác phục vụ khách hàng, giải quyết hồ sơ yêu cầu, khiếu nại của khách hàng, tra cứu kết quả trong thời gian nhanh nhất.
- Xây dựng và triển khai phần mềm cập nhật hoàn công công tác tu bổ trên smartphone, đồng bộ dữ liệu trên GIS.

3. Kết quả đầu tư xây dựng năm 2021:

Công ty hoàn thành 4 công trình xây dựng cơ bản trọng tâm triển khai trong quý IV năm 2021, hoàn tất công tác nghiệm thu, thanh quyết toán với tổng khối lượng 1.545 mét ống, đạt tỷ lệ 49,28% so với kế hoạch đầu năm.

4. Kết quả thực hiện kế hoạch giảm nước thất thoát năm 2021:

- Tỷ lệ thất thoát nước bình quân năm 2021 so với đồng hồ tổng của Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch là 14,3%, giảm 0,2% so với kế hoạch năm 2021 (14,5%), giảm 0,28% so thực hiện với năm 2020 (14,58%).
- Lượng nước thu hồi so với năm 2020 đạt 1.210 m³/ngày.
- Năm 2021, Công ty đã thực hiện nhiều công tác giảm thất thoát nước như:
 - + Công ty ưu tiên thực hiện công tác đóng van bước vào ban đêm với những DMA có tỷ lệ thất thoát cao để khoanh vùng tìm ra khu vực có rò rỉ cao. Tần suất đóng van bước là 4-5 ngày/tuần để đảm bảo phát hiện thất thoát nhanh, tiết kiệm thời gian và nhân công dò bể.
 - + Công ty luôn chú trọng công tác tiếp nhận thông tin báo bể từ khách hàng qua đường dây nóng, nhanh chóng khắc phục khi có sự cố bể nổi.
 - + Phân công dò bể vào ban ngày và tăng cường dò bể vào ban đêm tại các khu vực của DMA đang có lượng nước thất thoát cao hoặc khu vực không thể dò bể vào ban ngày để nhanh chóng xác định những điểm bể lớn.
 - + Phối hợp với Xí Nghiệp truyền dẫn nước sạch trong công tác chốt số đồng hồ tổng bán sỉ nước sạch và dò tìm, sửa bể trên tuyến ống cấp 2.
 - + Tăng cường công tác giám sát khi có các đơn vị thi công công trình hạ tầng trên địa bàn để kịp thời sửa chữa khi có sự cố bể xảy ra.
 - + Tập trung đẩy mạnh kéo giảm thất thoát nước tại các DMA có tỷ lệ thất thoát nước cao, cũng như duy trì tỷ lệ thất thoát nước thấp ở các DMA, triển khai thực hiện các dự án xây dựng cơ bản, cải tạo ống cũ mục còn lại theo kế hoạch năm 2021.
 - + Năm 2021, số điểm bể sửa được 1.593 điểm trong đó có 1.309 điểm bể nổi (chiếm tỷ lệ 82,17%) và 284 điểm bể ngầm (chiếm tỷ lệ 17,83%), giảm 475 điểm bể so với năm 2020.
 - + Trong quá trình thi công sửa bể, Công ty luôn có nhân viên giám sát chặt chẽ, liên hệ với khách hàng để xử lý những phát sinh trong quá trình thi công cũng như đảm bảo quá trình thi công luôn đúng kỹ thuật.

- + Trong năm 2021, Công ty đã phát hiện và sửa chữa kịp thời các điểm bể lớn trên ống phân phối, góp phần làm giảm tỷ lệ thất thoát nước như :
 - ✓ Trước nhà 163/24/5 Tô Hiến Thành, P13, Q10: giảm thất thoát nước 280 m³/ngày.
 - ✓ Trước nhà 663 Vĩnh Viễn, P7, Q11: giảm thất thoát nước 300 m³/ngày.
 - ✓ Trước nhà 145 Hòa Hưng, P12, Q10: giảm thất thoát nước 1.250 m³/ngày ...
- + Phối hợp cùng Xí nghiệp truyền dẫn nước sạch đóng van cô lập kiểm tra lượng nước thất thoát trên tuyến ống cấp 2 sau đồng hồ mua bán sỉ nước sạch, phát hiện và sửa bể giảm thất thoát 270 m³/ngày.
- + Phân vùng lại một số biên DMA và DMZ trên các tuyến ống cấp 3 và cấp 2 sau đồng hồ mua bán sỉ nước sạch nhằm cải thiện áp lực nước. Dời hầm đồng hồ tổng, hạ cỡ đồng hồ tổng ...
- + Sửa chữa 213 van hư hỏng hoặc coi van bị lắp do nâng cấp đường.
- + Hoàn thành công tác cập nhật vùng đóng van bước trên GIS.

5. Một số sáng kiến, giải pháp năm 2021:

Phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật luôn được Công ty quan tâm khuyến khích. Một số sáng kiến, giải pháp cải tiến nâng cao năng suất lao động trong năm là:

| STT | Tên đề tài | Giải pháp / Sáng kiến | Đề nghị giấy khen |
|-----|--|-----------------------|-------------------|
| 1 | Tính tiền nước khách hàng | Giải pháp | cấp Công ty |
| 2 | Ứng dụng hoàn công công tác thi công sửa bể trên smartphone | Giải pháp | cấp Công ty |
| 3 | Số hoá dữ liệu quản lý công việc | Giải pháp | cấp Công ty |
| 4 | Thiết kế, lắp đặt bộ điều khiển đóng mở van tự động, áp dụng cho vùng áp lực nước thấp | Sáng kiến | cấp Tổng Công ty |

II. Kế hoạch SXKD năm 2022:

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2021, xét khả năng của Công ty trong năm 2022, Công ty xây dựng kế hoạch SXKD năm 2022 như sau:

| CHỈ TIÊU | ĐVT | KẾ HOẠCH NĂM 2021 | THỰC HIỆN NĂM 2021 | KẾ HOẠCH NĂM 2022 |
|--------------------------------|----------------------|-------------------|--------------------|-------------------|
| A - KINH DOANH: | | | | |
| 1- Nước tiêu thụ | 1.000 m ³ | 33.900 | 31.867 | 33.000 |
| 2- Doanh thu tiền nước | triệu đồng | 374.058 | 338.431 | 376.465 |
| 3- Giá bán bình quân tiền nước | đồng/m ³ | 11.034 | 10.620 | 11.408 |
| 4- Gắn mới ĐHN | cái | 100 | 90 | 50 |
| 5- Thay định kỳ ĐHN cỡ nhỏ | cái | 17.700 | 17.702 | 17.000 |

| CHỈ TIÊU | ĐVT | KẾ HOẠCH NĂM 2021 | THỰC HIỆN NĂM 2021 | KẾ HOẠCH NĂM 2022 |
|------------------------------------|-----|----------------------|-----------------------|----------------------|
| 6- Thay định kỳ ĐHN cỡ lớn | cái | 21 | 23 | 44 |
| 7- Tỷ lệ thất thoát nước bình quân | % | 14,50 | 14,30 | 14,00 |
| B - ĐẦU TƯ XÂY DỰNG: | | | | |
| 1- Sửa chữa ống mục | mét | 3.135 | 1.545 | 4.320 |

Ghi chú: Do tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp nên chỉ tiêu Kế hoạch năm 2022 có thể thay đổi theo tình hình dịch bệnh thực tế trong năm.

III. **Biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2022:**

1. Về kinh doanh nước sạch:

- Công ty sẽ tập trung phần đầu tăng lượng nước tiêu thụ năm 2022 thông qua nhiều biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, tuyên truyền tác hại của việc sử dụng nước giếng ...
- Tiếp tục hoàn thiện rút gọn các quy trình thủ tục, cải cách hành chính trong việc phục vụ khách hàng. Hoàn thiện hệ thống tiếp nhận hồ sơ yêu cầu, khiếu nại trực tuyến.
- Xây dựng lộ trình kiểm tra định mức, giá biểu, nâng cao giá bán bình quân.
- Xây dựng kế hoạch cấp định mức theo CMND, CCCD, sổ định danh cá nhân. Cấp định mức cho đối tượng lưu trú, tạm trú có thời hạn 12 kỳ hóa đơn, định kỳ gia hạn lại định mức nước.
- Xây dựng kế hoạch giảm hóa đơn bằng 0m³, tập trung vào các hộ có ở nhưng không dùng nước máy.
- Tiếp tục thống kê, kiểm tra tiêu thụ thực tế và thỏa thuận với khách hàng về việc nâng, hạ cỡ ĐHN cho phù hợp với thực tế.
- Tăng cường công tác kiểm tra nhằm phát hiện, xử lý kịp thời và triệt để các trường hợp gian lận trong sử dụng nước, tiêu thụ bất thường, sai giá biểu ...
- Kiểm tra, tiến hành bấm chỉ các trường hợp ĐHN có chỉ bị mục, đứt ...
- Thường xuyên kiểm tra và tiến hành thay khẩn các đồng hồ nước hoạt động bất thường, kính mờ, lắp, ngưng..., không đọc được chỉ số (ưu tiên các ĐHN cỡ lớn).
- Xây dựng lộ trình đọc số, lập kế hoạch thay ĐHN định kỳ các cỡ năm 2022.
- Kiểm tra và cho nâng, dời, cải tạo ống nhánh ... đối với những ĐHN bị lắp, vị trí sai quy định, ống nhánh không đúng kỹ thuật (ưu tiên cho các ĐHN cỡ lớn).
- Tăng cường công tác nhắc nợ tiền nước khách hàng thông qua nhiều kênh liên lạc, ưu tiên khách hàng nợ tiền nước cao, nợ nhiều kỳ hóa đơn.
- Xây dựng kế hoạch tăng tỷ lệ khách hàng thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt.
- Phát động các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

2. Về giảm nước thất thoát thất thu:

a) Sản lượng nước cung cấp:

- + Phối hợp cùng Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch theo dõi sản lượng ở các đồng hồ tổng mua bán si nước sạch nhằm đánh giá, phân tích để kịp thời phát hiện, xử lý những đồng hồ có lưu lượng bất thường.

b) Công tác kiểm hãm và giảm tỷ lệ thất thoát nước tại các DMA:

- + Phân loại DMA theo chỉ số thất thoát hữu hình. Từ đó tập trung vào những DMA có lượng nước thất thoát cao để lên kế hoạch khoanh vùng rò rỉ, dò bể, cải tạo ống cũ mục.
- + Đẩy mạnh kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước tại các DMA đang có lượng nước thất thoát cao theo thứ tự ưu tiên.
- + Tập trung thực hiện phương pháp kiểm soát rò rỉ chủ động như phương pháp đóng van bước - Step Test tại các DMA nhằm khoanh vùng các khu vực rò rỉ cao tại các DMA đang có tỷ lệ thất thoát cao và duy trì tại các DMA đang có tỷ lệ thất thoát nước thấp.
- + Theo dõi thường xuyên hoạt động của các thiết bị như PRV, Regulo, Cello XO, có kế hoạch điều tiết áp lực tại các DMA đang có áp lực cao vào ban đêm.
- + Kiểm soát chặt chẽ tỷ lệ thất thoát nước của từng DMA hàng tháng, ngay cả với các DMA có tỷ lệ thất thoát nước thấp.
- + Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thi công hạ tầng trên địa bàn nhằm phát hiện, xử lý kịp thời sự cố bể ống do các đơn thi công công trình ngoài gây ra. Có giải pháp cụ thể, kịp thời ngay khi thất thoát nước có xu hướng tăng.

c) Công tác cải tạo ống mục:

- + Tăng cường công tác rà soát, đánh giá dữ liệu nhằm lựa chọn các khu vực cần cải tạo các tuyến ống cũ, mục, ống nằm quá sâu,... gây nguy cơ xì bể cao và khó khăn cho công tác dò tìm rò rỉ (ưu tiên thực hiện tại các DMA có tỷ lệ thất thoát nước cao).
- + Tập trung đẩy mạnh cải tạo ống mục có chọn lọc song song công tác phát triển hoàn thiện mạng lưới cấp nước (chú trọng thực hiện tại các DMA có tỷ lệ và lượng nước thất thoát cao).

d) Công tác dò tìm rò rỉ và sửa bể:

- + Chú trọng công tác thống kê, phân tích số liệu các điểm bể nhằm phát hiện các nguyên nhân xì bể có tính hệ thống (do vật tư kém chất lượng, do tuyến ống cũ mục, do thi công không đảm bảo kỹ thuật,...)
- + Phân tích số liệu bể để lập kế hoạch dò bể có tính hệ thống, tập trung vào các vùng có tỷ lệ thất thoát nước cao. Đẩy mạnh công tác dò tìm rò rỉ, lập kế hoạch đóng van bước phục vụ công tác dò tìm rò rỉ.
- + Trực tiếp kiểm tra ĐHN khách hàng bằng bút dò bể, kết hợp với công tác kiểm tra tình hình sử dụng nước, kiểm tra gian lận để phát hiện ra các điểm bể trên ống gánh....
- + Tổ chức trực sửa bể 24/24, tiếp nhận các nguồn thông tin báo bể từ nhân dân, CBCNV khi đi công tác, Tổ dò bể...tổ chức triển khai khắc phục kịp thời.
- + Công tác quản lý mạng lưới:
- + Đảm bảo đáp ứng đủ nguồn nước và nhu cầu sử dụng nước cho khách hàng trên mạng lưới khi Nhà máy Nước ngầm Sài Gòn giảm sản lượng khai thác.
- + Đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục trên địa bàn quản lý.
- + Điều chỉnh lại ranh DMA 10M12A, 10M345B, 10M345C, 10N01A.

- + Điều chỉnh lại các ranh DMZ: PT1003, PT1005, PT1007.
- + Đảm bảo áp lực tất cả các DMA được vận hành đầy đủ, tương đối ổn định.
- + Thường xuyên theo dõi, kiểm tra áp lực mạng lưới, luôn đảm bảo áp lực ổn định cuối nguồn vào giờ cao điểm.
- + Tăng cường công tác giám sát mạng lưới cấp nước, đặc biệt là các khu vực có các công trình hạ tầng kỹ thuật khác đang thi công trong phạm vi có đường ống cấp nước, phát hiện, ngăn chặn, khắc phục kịp thời các sự cố xì bể do các đơn thi công công trình ngầm gây ra.
- + Tiến hành rà soát, thống kê lượng van trên toàn mạng lưới của Công ty, thường xuyên vận hành thử, bảo trì hệ thống van trên mạng lưới, đặc biệt là các van cô lập mạng lưới.
- + Ứng dụng CNTT trong việc theo dõi lưu lượng và áp lực trong các DMA, giúp cảnh báo các biến động tức thời xảy ra trên mạng lưới.
- + Tập trung xây dựng, hoàn thiện ứng dụng GIS trong công tác quản lý mạng lưới, quản lý tài sản, cập nhật thông tin về sự cố trên mạng lưới cấp nước, phân loại, xác định nguyên nhân bể, vật liệu ống, năm lắp đặt.... Từ đó phân tích, có kế hoạch sửa chữa, cải tạo ống cũ mục kịp thời, có chọn lọc.
- + Công tác coi van phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, không để tình trạng khuất lấp van trên mạng lưới.

e) Các công tác khác:

- + Duy trì và phát triển hệ thống truyền nhận dữ liệu lưu lượng và áp lực tại các tiểu vùng DMA về trung tâm đặt tại Công ty nhằm theo dõi các diễn biến tức thời trên mạng lưới cấp nước.
- + Thực hiện tiếp việc gắn bộ năng lượng mặt trời đồng thời bảo dưỡng, kiểm tra pin năng lượng mặt trời tại các tủ tín hiệu để đảm bảo các thiết bị Datalogger, đồng hồ tổng hoạt động ổn định, không bị gián đoạn.
- + Thực hiện việc gắn pilot 3 cổng cho các DMA có áp lực thấp tại các khu vực cuối nguồn của mạng lưới.
- + Lập kế hoạch, quy trình kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên các đồng hồ tổng hằng tháng, và vệ sinh van giảm áp 2 tháng/lần trên mạng lưới nhằm đáp ứng kịp thời công tác giám sát thoát nước tại Công ty.
- + Lập kế hoạch hằng năm thay dần các đồng hồ tổng DMA bị hư, lỗi nhiều lần.
- + Có kế hoạch dự trữ, thay pin kịp thời cho các thiết bị như: đồng hồ ABB, Regulo, Cello XO, Cello MK4 tránh ảnh hưởng đến việc gián đoạn việc truyền dữ liệu lưu lượng và áp lực.

Trân trọng báo cáo./.

- Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Ban Kiểm soát Cty;
- P.KHĐT TCT;
- Lưu HC, KHĐT.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

[Signature]
Bùi Đức Sinh

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Quận 5, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Số: 0201/BC-PHT-KHĐT

BÁO CÁO

TỔNG KẾT 5 NĂM HOẠT ĐỘNG SXKD 2017 – 2021

Qua 5 năm hoạt động (2017-2021), Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân đã đạt được kết quả SXKD như sau:

| CHỈ TIÊU | ĐVT | KẾT QUẢ THỰC HIỆN | | | | |
|---------------------------------|---------------------------|-------------------|---------|---------|---------|---------|
| | | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 |
| KINH DOANH: | | | | | | |
| 1- Lượng nước tiêu thụ | 1.000 m ³ | 33.182 | 33.582 | 34.313 | 33.670 | 31.867 |
| 2- Nước tiêu thụ/ĐHN/tháng | m ³ /ĐHN/tháng | 30,96 | 31,23 | 31,84 | 31,17 | 29,47 |
| 3- Tổng doanh thu | triệu đồng | 306.221 | 313.401 | 324.424 | 351.890 | 338.431 |
| 4- Giá bán nước sạch bình quân | đồng/m ³ | 9.228 | 9.333 | 9.455 | 10.451 | 10.620 |
| 5- Tỷ lệ thực thu đương niên | % | 99,76 | 99,71 | 99,19 | 99,09 | 97,08 |
| 6- Thi công gắn mới ĐHN | cái | 406 | 244 | 274 | 188 | 90 |
| 7- Số ĐHN bình quân của năm | ĐHN | 89.480 | 89.605 | 89.819 | 90.020 | 90.125 |
| 8- Thay ĐHN cỡ nhỏ (15-25 ly) | cái | 18.971 | 17.100 | 17.100 | 17.008 | 17.702 |
| 9- Thay ĐHN cỡ lớn (> 25 ly) | cái | 25 | 24 | 34 | 34 | 23 |
| 10- Nâng dời ĐHN | cái | 1.301 | 1.234 | 1.287 | 1.274 | 764 |
| 11- Tỷ lệ hộ dân được cấp nước | % | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| 12- Tỷ lệ thất thoát nước | % | 22,41 | 19,68 | 18,41 | 14,58 | 14,30 |
| QUẢN LÝ MẠNG & ĐTXD: | | | | | | |
| 1- Phát triển mạng lưới | mét | 0 | 2.077 | 1.922 | 270 | 0 |
| 2- Cải tạo ống mục | mét | 4.658 | 2.268 | 2.350 | 3.509 | 1.545 |
| 3- Sửa chữa ống nhánh | mét | 5.098 | 1.983 | 0 | 0 | 0 |
| 4- Sửa bể | điểm bể | 2.130 | 2.129 | 2.259 | 2.068 | 1.593 |
| 5- Sửa chữa, coi van | cái | 178 | 123 | 230 | 288 | 213 |

1./ Về kết quả SXKD:

Do dịch Covid trên địa bàn Thành phố diễn biến phức tạp trong giai đoạn 2020-2021, đặc biệt là trong quý 3 năm 2021, thành phố phải thực hiện giãn cách triệt để theo Chỉ thị 16/CT-TTg, ảnh hưởng đến mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các công tác phải tiếp xúc với khách hàng bị tạm ngưng hoàn toàn như: đọc số, kiểm tra định mức, giá biểu, thu tiền nước, thay ĐHN, bấm chỉ ĐHN, ... Các hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ, giáo dục, ... trên địa bàn đều bị ngưng trệ làm giảm lượng nước tiêu thụ/ĐHN, giảm lượng nước tiêu thụ và giảm doanh thu tiền nước của Công ty.

2./ Về công tác phục vụ khách hàng:

Giai đoạn 2017 – 2021 là giai đoạn triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác đọc số, thu tiền, kiểm tra cũng như công tác quản lý. Qua đó, giúp cho các hoạt động chăm sóc khách hàng ngày càng được nâng cao, cụ thể là:

- Công tác đọc số được phát triển từ thiết bị handheld đến ứng dụng di động thông minh vào công tác nghiệp vụ hiện trường. Qua đó, giúp nâng cao năng suất lao động của công nhân, dữ liệu thu thập mang tính chính xác khi ứng dụng di động giúp lưu giữ hình ảnh, tình trạng đồng hồ nước cũng như chỉ số đã cập nhật, và mang tính kịp thời khi việc thống kê, theo dõi sản lượng nước cũng như tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh có thể thực hiện trực tuyến và mọi thời điểm khi cần thiết. Ngoài ra, việc ứng dụng di động thông minh trong công tác đọc số cũng đã được tiến thêm một bước khi xây dựng cơ sở dữ liệu khách hàng đầy đủ, đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu kỹ thuật.
- Triển khai hóa đơn điện tử, đa dạng hóa các hình thức thanh toán tiền nước: Thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam, hiện nay nhân viên Công ty đã không còn đi thu tiền nước tại nhà. Thay vào đó, Công ty đã đẩy mạnh thanh toán trực tuyến thông qua ngân hàng và các đơn vị thu hộ để mở rộng hình thức thanh toán.
- Thực hiện Hợp đồng điện tử làm nền tảng trung gian cho phép dễ dàng thực hiện ký kết các hợp đồng giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, doanh nghiệp với đối tác, doanh nghiệp với cá nhân nhằm thay đổi phương thức ký kết truyền thống, xây dựng doanh nghiệp không giấy tờ, doanh nghiệp chuyển đổi số.
- Cổng thông tin điện tử hành chính (website công ty), cổng thông tin Zalo Official Account phục vụ công tác truyền thông cũng như khách hàng: nhận và giải quyết các yêu cầu của khách hàng trực tuyến qua cổng thông tin điện tử; quản lý hồ sơ trên thiết bị di động. Qua đó, tạo điều kiện tốt nhất cho khách hàng tra cứu thông tin hóa đơn tiền nước trên website, điện thoại di động; các dịch vụ tin nhắn (zalo) đã giúp khách hàng biết định mức nước, thông tin ngừng cung cấp nước, thông báo tiền nước.
- Mô hình “Một cửa liên thông”, tập trung các khâu tiếp khách về một đầu mối, tạo thuận tiện cho khách hàng khi đến làm việc.
- Ngoài ra, với chương trình “Cải cách thủ tục hành chính”, hiện nay các giấy tờ đăng ký dịch vụ cấp nước như sang tên, đăng ký định mức nước đã được tinh giản. Khách hàng có thể không cần đi sao y bản chính, nhân viên tiếp nhận có thể chụp hình bản chính hoặc tiếp nhận tại nhà hoặc tiếp nhận qua các kênh trực tuyến. Bên cạnh đó, các biểu mẫu đăng ký cũng được tinh gọn. Khi đến Công ty thực hiện đăng ký các dịch vụ, khách hàng không

phải ghi chép mà được nhân viên trực tiếp ghi nhận vào chương trình quản lý và cấp cho khách hàng biên nhận hồ sơ với đầy đủ thông tin.

- Đầu năm 2021, Công ty đã thực hiện chương trình “Rút ngắn qui trình ra hóa đơn”. Qua đó, từ thời điểm nhân viên đọc số ghi nhận chỉ số tại nhà khách hàng đến lúc ra hóa đơn để khách hàng thanh toán là 3 ngày, thay vì từ 5 ngày đến 7 ngày như trước đây. Đây cũng là một bước tiến trong công tác Nâng cao chất lượng Dịch vụ khách hàng trong năm 2021.

3./ Về kết quả giảm thất thoát nước:

Kết quả giảm thất thoát nước giai đoạn 2017-2021 đạt được từ thất thoát 22,41% năm 2017 giảm còn 14,3% năm 2021 là cả quá trình nỗ lực liên tục rất lớn đáng khích lệ của Công ty trong việc tìm các biện pháp giảm thất thoát nước: theo dõi lưu lượng, áp lực nước từng DMA để dò tìm van hư hỏng, tìm điểm bể, tìm ống mục ..., nhằm thay van hư, sửa bể kịp thời, đầu tư thay mới ống mục, thay ĐHN hư hỏng, ĐHN đến hạn thay định kỳ ... giảm thất thoát nước.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu: HC, KHĐT.



GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Đức Sinh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

| TÀI SẢN | Mã số | 01/01/2021 | 31/12/2021 |
|---------------------------------------|------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 89.237.944.966 | 80.687.649.415 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 51.270.911.854 | 22.183.645.877 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 25.894.818.024 | 39.626.377.200 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 5.444.764.213 | 12.774.701.647 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 6.309.887.950 | 4.730.932.881 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 317.562.925 | 1.371.991.810 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 97.823.076.661 | 83.982.807.135 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | 81.629.763.018 | 66.454.042.905 |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 577.857.564 | 2.933.948.955 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | 15.615.456.079 | 14.594.815.275 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | 187.061.021.627 | 164.670.456.550 |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 59.627.174.326 | 35.942.327.751 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 59.627.174.326 | 35.942.327.751 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | - | - |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 127.433.847.301 | 128.728.128.799 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 127.433.847.301 | 128.728.128.799 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 187.061.021.627 | 164.670.456.550 |

Quận 5, ngày 22 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Giám Đốc



Dương Văn Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

Đơn vị tính: đồng

| CHỈ TIÊU | Mã số | NĂM 2020 | NĂM 2021 |
|--|-------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 355.235.738.270 | 335.073.990.741 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 355.235.738.270 | 335.073.990.741 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 231.034.926.871 | 218.043.102.118 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 124.200.811.399 | 117.030.888.623 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 1.825.381.677 | 1.714.693.851 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | - | - |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 74.684.236.330 | 61.738.515.014 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 40.817.745.214 | 44.065.357.128 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | 10.524.211.532 | 12.941.710.332 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 332.731.969 | 731.270.895 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 59.068.486 | 1.138.083.558 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | 273.663.483 | (406.812.663) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | 10.797.875.015 | 12.534.897.669 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 2.355.415.089 | 2.798.156.245 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | 8.442.459.926 | 9.736.741.424 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 600 | 1.082 |

Quận 5, ngày 22 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Giám Đốc



Dương Văn Hòa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2021

Đơn vị tính: đồng

| CHỈ TIÊU | Mã số | NĂM 2020 | NĂM 2021 |
|--|-------|-------------------------|-------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 10.797.875.015 | 12.534.897.669 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư | 02 | 18.679.690.427 | 19.251.655.950 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | (3.192.454) | 1.129.171.123 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại | 04 | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (880.137.137) | (1.714.693.851) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 28.594.235.851 | 31.201.030.891 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 333.319.255 | (8.940.894.350) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (239.869.198) | 1.226.956.088 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN) | 11 | (6.497.829.528) | (24.403.387.942) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 7.940.341.561 | 846.793.140 |
| - Tăng giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (2.723.347.173) | (2.594.988.700) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 10.220.000 | 42.240.000 |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | (2.361.835.812) | (2.632.631.104) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i> | 20 | <i>25.055.234.956</i> | <i>(5.254.881.977)</i> |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (6.539.522.632) | (6.432.027.228) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 34.993.222 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (17.759.366.212) | (13.731.559.176) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 5.000.000.000 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 806.112.787 | 1.667.897.404 |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i> | 30 | <i>(18.457.782.835)</i> | <i>(18.495.689.000)</i> |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho CSH, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành | 32 | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | - | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | - | - |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (4.912.415.000) | (5.336.695.000) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | 40 | <i>(4.912.415.000)</i> | <i>(5.336.695.000)</i> |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</i> | 50 | <i>1.685.037.121</i> | <i>(29.087.265.977)</i> |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 49.585.874.733 | 51.270.911.854 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 51.270.911.854 | 22.183.645.877 |

Quận 5, ngày 22 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Giám Đốc



Dương Văn Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2021

Số : /PHT-KTTC

Quận 5, ngày 22 tháng 3 năm 2022

| ST T | CHỈ TIÊU | ĐVT | KẾ HOẠCH NĂM 2021 | THỰC HIỆN NĂM 2021 | TỶ LỆ % KH/TH |
|---------|---------------------------|---------|----------------------|-----------------------|------------------|
| | | | 1 | 2 | 3=2/1 |
| 1 | Sản lượng mua vào | m3 | 39.649.123 | 36.979.378 | 93,27 |
| 2 | Sản lượng bán ra | m3 | 33.900.000 | 31.867.111 | 94,00 |
| 3 | Tổng doanh thu | Tr.đồng | 377.849 | 337.520 | 89,33 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | Tr.đồng | 11.500 | 12.535 | 109,00 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | Tr.đồng | 8.884 | 9.737 | 109,60 |
| 6 | Mức cổ tức (đ/CP) | đồng | 600 | 600 | 100,00 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Giám Đốc



Dương Văn Hòa

BÁO CÁO TỔNG KẾT NHIỆM KỲ III (2017-2021)

| STT | CHỈ TIÊU | ĐVT | NĂM 2017 | | NĂM 2018 | | NĂM 2019 | | NĂM 2020 | | NĂM 2021 | | 5 NĂM | |
|-----|---------------------------|---------------------|----------|-----------|----------|-----------|----------|-----------|----------|-----------|----------|-----------|-----------|-----------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | Kế hoạch | Thực hiện | Kế hoạch | Thực hiện | Kế hoạch | Thực hiện | Kế hoạch | Thực hiện | Kế hoạch | Thực hiện |
| 1 | Sản lượng tiêu thụ | Ngàn m ³ | 33.200 | 33.182 | 33.300 | 33.582 | 33.750 | 34.313 | 34.650 | 33.670 | 33.900 | 31.867 | 168.800 | 166.614 |
| 2 | Tổng doanh thu | Triệu đồng | 309.570 | 315.009 | 312.089 | 319.433 | 321.555 | 332.527 | 367.973 | 357.394 | 377.849 | 337.520 | 1.689.036 | 1.661.883 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | Triệu đồng | 7.125 | 8.318 | 7.388 | 8.264 | 8.574 | 9.436 | 9.719 | 10.798 | 11.500 | 12.535 | 44.306 | 49.351 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | Triệu đồng | 5.700 | 6.600 | 5.911 | 6.571 | 6.739 | 7.485 | 7.705 | 8.442 | 8.884 | 9.737 | 34.939 | 38.834 |
| 5 | Tỷ lệ chia cổ tức | % | 5,00 | 5,00 | 3,00 | 5,00 | 5,00 | 5,50 | 5,50 | 6,00 | 6,00 | 6,00 | | |
| 6 | Mức cổ tức/1 cổ phần | đồng | 500 | 500 | 300 | 500 | 500 | 550 | 550 | 600 | 600 | 600 | | |

Ghi chú:

- Kết quả thực hiện năm 2017 đã được điều chỉnh hồi tố theo quyết định của KTNN.

Quận 5, ngày 22 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

GIÁM ĐỐC



Dương Văn Hòa

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2022

Số : /KTTC-PHT

Quận 5, ngày 22 tháng 3 năm 2022

| ST T | CHỈ TIÊU | ĐVT | THỰC HIỆN NĂM 2021 | KẾ HOẠCH NĂM 2022 | TỶ LỆ % KH/TH |
|---------|---------------------------|---------|-----------------------|----------------------|------------------|
| | | | 1 | 2 | 3=2/1 |
| 1 | Sản lượng mua vào | m3 | 36.979.378 | 37.209.302 | 100,62 |
| 2 | Sản lượng bán ra | m3 | 31.867.111 | 32.000.000 | 100,42 |
| 3 | Tổng doanh thu | Tr.đồng | 337.520 | 368.186 | 109,09 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | Tr.đồng | 12.535 | 13.200 | 105,31 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | Tr.đồng | 9.737 | 10.484 | 107,68 |
| 6 | Mức cổ tức (đ/CP) | đồng | 600 | 650 | 108,33 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Giám Đốc ✓



[Signature]
Dương Văn Hòa

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2021

Số: /PHT-KTTC

Quận 5, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Đơn vị tính: đồng

| STT | NỘI DUNG | NĂM 2019 | | NĂM 2020 | |
|-----|----------------------------------|---------------|--------|---------------|--------|
| | | Số tiền (đ) | Tỷ lệ | Số tiền (đ) | Tỷ lệ |
| A | LỢI NHUẬN SAU THUẾ : | 8.442.459.926 | 100,00 | 9.736.741.424 | 100,00 |
| B | PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN: | 8.442.459.926 | 100,00 | 9.030.511.088 | 92,75 |
| I | Chia cổ tức : | 5.400.000.000 | 63,96 | 5.400.000.000 | 55,46 |
| | Mức chia cổ tức (đồng/1 CP) | 600 | | 600 | |
| II | Trích lập các quỹ : | 3.042.459.926 | 36,04 | 3.630.511.088 | 37,29 |
| 1 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi NLĐ | 2.653.659.926 | 31,43 | 3.248.191.088 | 33,36 |
| 2 | Quỹ thưởng người quản lý công ty | 388.800.000 | 4,61 | 382.320.000 | 3,93 |
| 3 | Quỹ Đầu tư phát triển | - | - | - | - |
| C | LỢI NHUẬN CÒN LẠI: | - | - | 706.230.336 | 7,25 |

Ghi chú: Lợi nhuận còn lại số tiền 706.230.336 đồng là tiền thuế đất được giảm 30% do dịch covid 19, được chuyển sang bổ sung lợi nhuận năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Giám Đốc



Dương Văn Hòa

Quận 5, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Số: 253 /BC-PHT-HĐQT

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021 & TỔNG KẾT 5 NĂM NHIỆM KỲ III (2017 – 2021)

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty hiện nay có tổng cộng 6 người, gồm 1 Chủ tịch chuyên trách và 5 thành viên kiêm nhiệm. Bà Lê Thị Thanh Tâm, giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, các thành viên: Ông Dương Văn Hòa kiêm Giám đốc thay cho Ông Lê Trọng Hiếu chuyển công tác (tháng 9/2021), Bà Vũ Phương Thảo, Ông Vương Vũ, Bà Dương Hồng Phương và Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các thành viên HĐQT đã nỗ lực thực hiện tốt công tác quản trị điều hành, hoàn thành nhiệm vụ năm 2021 mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

HĐQT xin báo cáo Đại hội kết quả hoạt động quản trị, điều hành năm 2021 và tổng kết tóm tắt 5 năm nhiệm kỳ III (2017 – 2021) như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2021:

Với tình hình sản xuất gặp khó khăn nghiêm trọng do dịch Covid-19 kéo dài từ đầu năm, đặc biệt đợt dịch cuối tháng 4 đến tháng 10 toàn Thành phố đã thực hiện giãn cách xã hội và hiện nay vẫn đang diễn biến phức tạp, khó lường nên các chỉ tiêu như sản lượng nước tiêu thụ và doanh thu chỉ gần đạt kế hoạch đề ra. Trong tình hình đó, HĐQT cùng Ban Điều hành luôn theo sát tình hình thực tiễn để chủ động kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh. Đồng thời, huy động mọi nguồn lực, bằng mọi phương án duy trì hoạt động đảm bảo cung cấp nước an toàn, liên tục và ổn định cho khách hàng. Bên cạnh đó, với sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Điều hành và sự nỗ lực rất lớn của tập thể CB-NLĐ, công tác giảm thất thoát nước đã đạt kết quả rất khả quan khi giảm 0,28% so với cùng kỳ năm 2020, lượng nước thất thoát hiện nay là 14,30% so với kế hoạch là 14,50% việc giảm thất thoát nước vượt kế hoạch góp phần mang lại lợi nhuận cho Công ty. Kết quả kế hoạch tài chính năm Công ty đạt lợi nhuận sau thuế là 109,60% so với kế hoạch.

Từ những kết quả đạt được như trên, HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông trả cổ tức năm 2021 theo kế hoạch là 600 đồng/cổ phiếu, đạt 100% so với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông kỳ trước thông qua.

1. Lãnh đạo thực hiện các chỉ tiêu:

- Sản lượng nước cung cấp: đạt 94,00% so với kế hoạch, giảm 5,35% so với năm 2020.
- Doanh thu tiền nước: đạt 90,48 % so với kế hoạch, giảm 3,82% so với năm 2020.
- Tỷ lệ thất thoát nước tính đến 31/12/2021 là 14,30% giảm 0,20% so với kế hoạch.
- Tổng doanh thu: đạt 99,90 % so với kế hoạch, giảm 5,56% so với năm 2020.
- Lợi nhuận sau thuế: 9,737 tỷ đồng, đạt 109,60% so với kế hoạch, tăng 15,33% so với năm 2020.

- Tỷ lệ chia cổ tức: 6,0% (600 đồng/cổ phiếu) đạt 100% so với kế hoạch.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

2.1 Cơ cấu và hoạt động của HĐQT: HĐQT có tổng cộng 6 người, gồm 1 Chủ tịch chuyên trách và 5 thành viên kiêm nhiệm, trong đó:

- + 05 thành viên là đại diện vốn góp của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.
- + 01 thành viên là đại diện vốn góp của Ngân hàng TMCP Đông Á.
- + Số thành viên HĐQT không điều hành: 4 người.

2.2 Giám sát hoạt động của Giám đốc và Ban điều hành:

- HĐQT thường xuyên nhận được báo cáo và chỉ đạo việc rà soát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính và định hướng thực hiện kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Định hướng Ban giám đốc trong công tác quản lý điều hành cũng như phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Quy định pháp luật hiện hành. Từng quý, Giám đốc báo cáo kết quả công việc:

- + Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ thường niên năm 2021 đề ra.
- + Thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành.

+ Chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, đề ra những biện pháp, giải pháp tích cực để thực hiện tốt nhất nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

- Ban Điều hành đã chủ động xin ý kiến của HĐQT, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, triển khai thực hiện tích cực và đồng bộ các giải pháp mang lại hiệu quả cao nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong tình hình sản xuất gặp rất nhiều khó khăn do dịch Covid-19 kéo dài. Đồng thời, tranh thủ được sự hỗ trợ thiết thực từ phía Tổng Công ty nên các chỉ tiêu tài chính hoàn thành vượt so với kế hoạch đề ra, đảm bảo thu nhập của người lao động và cổ tức cho cổ đông.

- Chỉ đạo và giám sát việc tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- HĐQT đánh giá Ban điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2.3 Các phiên họp và việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT:

Hoạt động của HĐQT trong năm 2021 đảm bảo tuân thủ theo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty đã ban hành và các quy định khác của pháp luật trong việc quản lý, điều hành đơn vị.

Trong năm 2021, HĐQT đã điều hành hoạt động của Công ty thông qua 04 phiên họp HĐQT và 06 hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản để ban hành 23 Nghị quyết, Quyết định liên quan đến công tác quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất cao, cung cấp đầy đủ kịp thời cho Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc.

Các phiên họp và hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết được thực hiện theo đúng thủ tục quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan, đúng Quy chế Quản trị nội bộ Công ty và có sự giám sát của Ban Kiểm soát Công ty. Tất cả các hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết đều nhận được sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT.

Nội dung chủ yếu của các phiên họp và các hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết HĐQT gồm:

- Báo cáo SXKD, tài chính thực hiện hàng quý, 6 tháng, năm; Các chỉ tiêu kế hoạch.
- Các nội dung liên quan đến hợp đồng mua bán sỉ nước sạch giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.
- Các nội dung liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
- Các nội dung liên quan đến lương, thưởng, phúc lợi cho người lao động.
- Các nội dung liên quan đến công tác quản lý, điều hành khác.

2.4 Tiền lương, thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT năm 2021:

Chế độ tiền lương, thù lao HĐQT được thực hiện theo quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH về thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước. Các khoản thù lao, tiền thưởng, phúc lợi khác được thực hiện theo quy định của Công ty.

II. TỔNG KẾT TÌNH HÌNH 5 NĂM NHIỆM KỲ III (2017 – 2021) VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM KỲ IV (2022 – 2026)

1. Về thực hiện quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty:

Trong nhiệm kỳ, HĐQT có sự thay đổi chủ tịch: Ông Lý Kim Ngân (nghỉ hưu tháng 12/2018); Bà Vũ Phương Thảo (tháng 1/2019 - tháng 4/2019) và hiện nay là Bà Lê Thị Thanh Tâm, tuy nhiên HĐQT đã có sự tiếp nối rất chặt chẽ trong hoạt động.

HĐQT đã tổ chức họp, lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản theo đúng Điều lệ và quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Nội dung họp và lấy ý kiến đều là những vấn đề thuộc thẩm quyền và nhiệm vụ của HĐQT.

Tất cả các phiên họp đều được ghi biên bản và thực hiện đúng quy định. Trong các phiên họp đều có sự tham dự của Ban Kiểm soát. Sau mỗi phiên họp, HĐQT đều ban hành các nghị quyết đúng theo quy định của pháp luật.

2. Về thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo hoạt động Công ty:

Trong nhiệm kỳ, HĐQT đã đề ra và tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ sau:

- *Việc kinh doanh sản phẩm nước sạch:*

Số Đồng hồ nước: đầu năm 2017: 89.063 KH, năm 2021: 90.155 KH (+1.22%)

Sản lượng năm 2017 là 33.182 tr m³, phát triển đến năm 2020: 33.670 (+1.47%) tuy nhiên do dịch bệnh ảnh hưởng cả năm 2021 nên sản lượng giảm còn 31.867 (-3.96%)

Doanh thu: năm 2017 là 306,221 tỉ đồng, đến năm 2021 đạt 338,431 tỉ đồng (+10,51%)

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 là 6.600 tỉ đồng, năm 2021 đạt 9.737 tỉ đồng (+47,53%)

Cổ tức: năm 2017 là 5%, năm 2021 là 6% (+20%).

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch trên địa bàn Quận 10, Quận 11 và Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, với đặc điểm chính: khách hàng ổn định ở khoảng 90.000 đồng hồ nước, nhu cầu tiêu thụ chủ yếu là sinh hoạt ổn định, không phát

triển như một số khu vực vùng ven, Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo áp lực và chất lượng nước cung cấp do điều kiện kỹ thuật của mạng lưới đường ống cuối nguồn.

Công ty đã có rất nhiều nỗ lực trong việc đảm bảo cung cấp nước an toàn, liên tục và ổn định cho khách hàng trong khu vực với chất lượng phục vụ ngày càng được nâng lên. Các nỗ lực của Công ty đã đem lại kết quả khả quan và khá ổn định trong điều kiện khó phát triển khách hàng do mạng lưới cấp nước đã được phủ kín, sản lượng gần như bão hòa nhưng lượng nước cung cấp, doanh thu qua mỗi năm đều tăng tuy không đáng kể do được cải tạo nâng cấp ngoại trừ 2 năm gần đây bị ảnh hưởng do dịch Covid-19 bùng phát, đặc biệt là năm 2021 vừa qua; vốn, tài sản được bảo tồn và phát triển.

- Triển khai các chương trình, kế hoạch đồng bộ hướng đến phát triển bền vững:

Để khắc phục những bất lợi do đặc điểm kỹ thuật mạng lưới cấp nước, vượt qua những khó khăn từ đặc điểm tiêu thụ nước của khách hàng trên địa bàn, nhằm ổn định hoạt động kinh doanh làm cơ sở cho việc phát triển bền vững trong tương lai, Công ty đã triển khai hàng loạt các chương trình, kế hoạch như: Chương trình phát triển mạng lưới cấp nước, phát triển khách hàng; nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tiến tới thành lập Bộ phận Chăm sóc khách hàng; thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn; quản lý tài sản mạng lưới; cải tạo ống cũ mục, chống thất thoát nước; thực hiện số hóa/áp dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động SXKD giai đoạn 2021 – 2025...

Từ việc triển khai đồng bộ, quyết liệt các các chương trình, kế hoạch trên mà trong 5 năm qua kết quả kinh doanh của Công ty đều đạt kế hoạch, đồng thời Công ty có được cơ sở vật chất, kỹ thuật, nguồn lực về vốn, về con người để phát triển trong tương lai. Với việc quản lý chặt chẽ hệ thống cấp nước, mạng cấp 3 đã phủ kín hầu hết địa bàn, các ống cũ mục đã được thay thế dần và làm tốt công tác giảm nước thất thoát nước (mỗi năm đều giảm) sẽ làm cơ sở cho việc mua bán sỉ qua đồng hồ tổng với Tổng Công ty được thuận lợi và đem lại nhiều lợi nhuận hơn.

- Chăm lo cho lực lượng lao động, bảo toàn và phát triển vốn:

Hướng đến phát triển bền vững, HĐQT đã cơ cấu lại chức năng, nhiệm vụ của một số Phòng, Ban trong Khối Kinh doanh, sắp xếp lại nhân sự; cải tiến các quy trình nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động SXKD; đầu tư trang thiết bị máy móc, tăng năng suất lao động; đào tạo và đào tạo lại chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, phong cách ứng xử, xây dựng hình ảnh người công nhân cấp nước Phúwaco trách nhiệm, năng động, thân thiện trong cảm nhận của khách hàng và trở thành nét rất riêng của Phú Hòa Tân trong hệ thống cấp nước Thành phố.

Chính nhờ quan tâm đến lực lượng lao động mà trong những thời điểm khó khăn như khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát, giãn cách xã hội... với sự đồng tâm hiệp lực của tập thể lãnh đạo và người lao động, hoạt động của Công ty vẫn ổn định, lợi nhuận của Công ty, thu nhập người lao động và cổ tức của cổ đông năm sau bằng hoặc cao hơn năm trước.

- Phương hướng nhiệm kỳ IV

- Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, hoạt động có hiệu quả, tiết kiệm nhân lực.
- Tập trung cho công tác số hóa/áp dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động SXKD giai đoạn 2021 – 2025 của đơn vị, chi phí sẽ lớn nhưng sẽ mang lại hiệu quả thiết thực và đáp ứng xu hướng của xã hội đặc biệt là trong tình hình dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp, khó lường như hiện nay và thời gian tới.

- 5

Số: 20 /BC-PHT-BKS

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021, TỔNG KẾT NHIỆM KỲ 2017 - 2022 VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2022 – 2027

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 25 tháng 5 năm 2019;
- Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ về tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Cấp Nước Phú Hòa Tân;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân;

Ban Kiểm soát (BKS) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) tình hình hoạt động của BKS, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty Cổ phần Cấp Nước Phú Hòa Tân năm 2021, tổng kết nhiệm kỳ 2017 – 2022 và định hướng nhiệm kỳ 2022 – 2027 như sau:

Phần I: Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021:

1. Tình hình hoạt động, thù lao của Ban Kiểm soát:

- 1.1 Về nhân sự trong năm 2021, BKS có 03 thành viên, trong đó 01 thành viên chuyên trách, trong năm, BKS đã tổ chức các phiên họp và thực hiện các nhiệm vụ: Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị (HĐQT).
- Giám sát Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Điều hành (BDH) và cán bộ quản lý khác trong hoạt động quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - Báo cáo tổng kết hoạt động của BKS năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Đề xuất việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty năm 2021. Thẩm định các Báo cáo tài chính, bán niên và năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
 - Xem xét các tờ trình về xây dựng kế hoạch tài chính, kinh doanh của Công ty, dự trù về kinh phí hoạt động, kế hoạch, đề án về hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty.

- Ngoài các phiên họp làm việc trực tiếp, BKS thường xuyên liên lạc, trao đổi qua mail, điện thoại,... những thông tin, tài liệu và các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện nhiệm vụ của các kiểm soát viên nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của BKS.

1.2 Về thù lao năm 2021 của thành viên BKS không chuyên trách được thực hiện theo Nghị quyết số 193/NQ-PHT-ĐHĐCT ngày 12/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông, và Nghị quyết số 231/NQ-PHT-HĐQT ngày 31/8/2021 của HĐQT về việc phê duyệt quỹ lương kế hoạch năm 2021.

- Tiền thù lao của thành viên BKS không chuyên trách là 3.000.000 đồng/người/tháng.

- Tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách được xây dựng và chi trả theo Thông tư 28/TT-BLĐTBXH và Nghị quyết của Công ty.

- Công ty đã chi trả tiền lương, thù lao BKS năm 2021 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT Công ty.

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Căn cứ theo Nghị quyết số 193/NQ-PHT-ĐHĐCĐ ngày 12/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Việc thực hiện chi trả cổ tức cho Cổ đông năm 2020 tỷ lệ 6% tương đương giá trị 5.400.000.000 đồng. Trích lập các quỹ năm 2021: quỹ khen thưởng phúc lợi 3.058.000.000 đồng, Thù lao người quản lý 402.600.000 đồng đã thực hiện hạch toán chi trả theo quy định.

- Về tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: năm 2021, đại dịch Covid19 tiếp tục bùng phát trên diện rộng, đặc biệt trong quý II và quý III, thời gian các đợt giãn cách xã hội kéo dài nên dẫn đến các chỉ tiêu về nước tiêu thụ, doanh thu tiền nước, giá bán bình quân năm 2021 chưa đạt kế hoạch, đây là yếu hoàn toàn khách quan, bất khả kháng. Tuy nhiên, những chỉ tiêu về công tác thay đồng hồ nước, tỷ lệ nước thất thoát bình quân đạt, lợi nhuận trước thuế và sau thuế đạt và vượt kế hoạch năm 2021.

- Về tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, cổ tức kế hoạch năm 2021: Công ty đạt tổng doanh thu 335.073.990.741 đồng tương đương 92% so với hoạch 377.849.000.000 đồng, lợi nhuận trước thuế 12.534.897.669 đồng so với kế hoạch 11.500.000.000 đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 9.736.741.424 đồng, cổ tức dự kiến giữ mức 6%. Do đó, Công ty đã hoàn thành kế hoạch tài chính về lợi nhuận theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021 đề ra.

3. Kết quả hoạt động kinh doanh:

Một số chỉ tiêu tài chính (thời điểm 31/12/2021) đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đã thực hiện năm 2021 như sau: (ĐTV triệu đồng)

| Stt | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2020 | Thực hiện năm 2021 | Tỷ lệ % |
|-----|----------------------|--------------------|--------------------|---------|
| 1 | Tổng doanh thu | 357.394 | 337.519 | 94,4 |
| 2 | Tổng chi phí | 346.595 | 324.985 | 93,7 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 10.798 | 12.535 | 116% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 8.442 | 9.736 | 115% |
| 5 | Cổ tức | 6% | 6% | 100% |

4. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Một số chỉ tiêu tài chính (31/12/2021) đánh giá khái quát thực trạng tài chính năm 2021 của Công ty thực hiện được:

| Chỉ tiêu | Thực hiện Năm 2020 | Thực hiện Năm 2021 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | Tại 01/01/2020 | |
| - Khả năng thanh toán ngắn hạn | 1,50 | 2,24 |
| - Khả năng thanh toán nhanh | 1,39 | 2,11 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn, tài sản | Tại 01/01/2020 | |
| - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | 47,71 | 49 |
| - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | 52,29 | 51 |
| - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | 31,88 | 21,83 |
| - VCSH/Tổng nguồn vốn | 68,12 | 78,17 |
| 3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | Năm 2020 | |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu ROS | 2,36 | 2,88 |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng TS ROA | 4,51 | 5,91 |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH ROE | 6,62 | 7,56 |

- Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty, nhìn chung về tình hình kinh doanh trong năm thực hiện mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid19, nhưng Công ty vẫn đảm bảo cáo lợi nhuận cao hơn năm 2020, trích lập các quỹ theo quy định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ NSNN, các chế độ chính sách với người lao động và cổ tức cho cổ đông.

- Các chỉ số tài chính cơ bản thể hiện tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty đảm bảo, do hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn trong năm >2.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần ổn định và tăng trưởng.

- Công ty đảm bảo vốn đầu tư của cổ đông được đảm bảo và phát triển.

➤ Ban Kiểm soát thống nhất với những nội dung của BCTC năm 2021 kết thúc ngày 31/12/2021 do Công ty lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC số .../BCTC, phát hành vào 3/2022. Với nhận định: Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Hòa Tân tại ngày 31/12/2021.

Phần II: Hoạt động BKS nhiệm kỳ 2017–2021, định hướng kỳ 2022 – 2027:

1. Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát

Về nhân sự Ban Kiểm soát Công Cổ Phần Cấp Nước Phú Hòa Tân, được bầu thông qua Đại hội cổ đông như sau:

Tại ĐHĐCĐ tổ chức ngày 12/4/2017, đã bầu ra 03 thành viên Ban Kiểm soát, thực hiện theo Nghị quyết số 002/NQ-PHT-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2017 nhân sự gồm:

- Ông Nguyễn Minh Đạt -Trưởng Ban
- Ông Lê Trọng Thành -Thành viên
- Bà Phạm Thị Phương Linh -Thành viên

Trên cơ sở quy định quyền và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Hòa Tân, BKS thay mặt ĐHĐCĐ thực hiện giám sát các hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty chủ yếu:

- Giám sát việc quản lý và thực hiện kế hoạch SXKD của HĐQT, BDH về tính hợp pháp, hợp lý các hoạt động kinh doanh hàng năm theo nghị quyết ĐHĐCĐ;
- Thẩm định BCTC hàng quý, bán niên và BCTC năm của Công ty, đánh giá công tác quản lý của HĐQT, BDH Công ty;
- Trong các cuộc họp HĐQT, BKS tham dự đầy đủ, nhận định và góp ý kịp thời về tình hình kinh doanh, tài chính để hoàn thiện cơ chế chính sách điều hành Công ty;
- Tham gia ý kiến về các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế tài chính của Công ty.

2. Thực hiện giám sát tình hình tuân thủ quy định pháp luật

- Công ty tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ cho UBCK Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Trung tâm lưu ký chứng khoán: Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị... theo đúng thời hạn quy định.
- Trong nhiệm kỳ, Ban Kiểm soát không nhận được đơn khiếu nại của cổ đông hoạt động nhóm cổ đông bằng văn bản về hoạt động SXKD của Công ty.

3. Thực hiện giám sát tình hình quản lý và điều hành Công ty

a/ Hội đồng quản trị

- Trong nhiệm kỳ vừa qua Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đúng chức năng quyền và trách nhiệm của mình theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trên nguyên tắc tập trung, dân chủ và đặt lợi ích cao nhất cho cổ đông Công ty.
- Hội đồng quản trị luôn theo dõi tình hình hoạt động Công ty và đã ban hành những nghị quyết kịp thời để chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đúng định hướng của ĐHĐCĐ.
- Ngoài ra giữa các kỳ họp định kỳ của HĐQT, khi có một số việc cấp bách liên quan đến hoạt động SXKD và quản trị Công ty. HĐQT đã tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản theo đúng điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần.
- Hội đồng quản trị thực hiện triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ trong nhiệm kỳ với những nội dung về kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, thực hiện việc chi trả cổ tức, lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính, ban hành kịp thời các chủ trương về tình hình kinh doanh Công ty..

b/ Ban Điều hành Công ty

- Thực hiện triển khai Nghị quyết vào từng lĩnh vực cụ thể, đi theo đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị.

- Hoàn thành kế hoạch SXKD qua từng năm, lợi nhuận đảm bảo thực hiện chi trả cổ tức và bảo toàn vốn cho cổ đông Công ty.

- Chấp hành đúng quy định pháp luật và thực hiện tốt các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, chính sách cho người lao động an tâm công tác.

- Bên cạnh việc hoàn thành các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao, Ban Điều hành Công ty đã tập trung cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và hoạt động quản trị doanh nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh: đọc số đồng hồ nước bằng điện thoại thông minh, máy tính bảng, cải tiến việc quản lý mạng lưới cấp nước, giám sát áp lực nước tự động, cải tiến việc dò bể, sửa bể, nâng cao công tác chăm sóc khách hàng, áp dụng hình thức hóa đơn điện tử, triển khai hợp đồng điện tử...trên địa bàn quản lý.

c/ Đánh giá sự phối hợp giữa BKS và HĐQT, BĐH

- Trong nhiệm kỳ, BKS luôn nhận được sự quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi của HĐQT, BĐH Công ty trong việc cung cấp các thông tin về tình hình hoạt động SXKD và tình hình tài chính của Công ty.

- Định kỳ hàng quý, BKS đều có những lưu ý, ý kiến kiến nghị về tình hình kinh doanh tài chính của Công ty. Những ý kiến của BKS được ghi nhận và triển khai thực hiện theo quy định.

- Với nhiệm vụ của mình, BKS đánh giá HĐQT, BĐH trong nhiệm kỳ qua đã tổ chức hoạt động kinh doanh theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và cá quy định hiện hành khác.

4. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2017 – 2022

a/ Kết quả sản xuất kinh doanh

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 |
|-------------------------|---------|----------|----------|----------|----------|----------|
| 1. Vốn Điều lệ | Tr.đồng | 90.000 | 90.000 | 90.000 | 90.000 | 90.000 |
| 2. Doanh thu | Tr.đồng | 314.552 | 319.443 | 332.527 | 357.394 | 337.518 |
| 3. Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 7.344 | 8.264 | 9.436 | 10.798 | 12.534 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | 5.821 | 6.571 | 7.485 | 8.442 | 9.736 |
| 5. Cổ tức | % | 4,95 | 5 | 5,5 | 6 | |

b/ Báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập, được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận và thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên tổ chức hàng năm.

➤ Trong 05 năm qua nhiệm kỳ 2017 – 2022 Công ty đạt được:

- Luôn phấn đấu nỗ lực để hoàn thành hầu hết chỉ tiêu sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra: sản lượng nước tiêu thụ, doanh thu tiền nước, lợi nhuận trước thuế và

sau thuế đảm bảo giữ mức ổn định phù hợp tại thời điểm trước và trong thời điểm bùng phát đại dịch bệnh Covid19 trên diện rộng.

- Công ty thực hiện việc cân đối tài chính tốt, đảm bảo khả năng thanh toán.
- Công ty không có các khoản vay ngắn hoặc dài hạn, tình hình tài chính ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, chính sách cho người lao động, bảo toàn vốn và thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông.
- Tiền thuê đất của Công ty điều chỉnh tăng từ năm 2017 theo đơn giá mới làm phát tăng khoản chi phí thuê mặt bằng phục vụ cung cấp nước và sửa chữa đường ống cấp nước của đơn vị, hiện đơn vị đã thực hiện nộp đầy đủ theo quy định các khoản tiền thuê đất trong thời gian từ 2017 đến nay.

5. Đánh giá về hoạt động của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017 – 2022

Trên cơ sở Điều lệ, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, các kiểm soát viên luôn chủ động trong nhiệm vụ được phân công, BKS tự đánh giá như sau:

- BKS phân công nhiệm vụ cho kiểm soát viên, tổ chức phiên họp theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp cần giải quyết những nội dung quan trọng trên BCTC, BKS thường xuyên trao đổi, tham khảo và lấy ý kiến qua thư điện tử, điện thoại,..
- BKS nhiệm kỳ 2017 – 2022 nhận được sự hỗ trợ tích cực của HĐQT, BDH và các Phòng trong Công ty để hoàn thành nhiệm vụ của BKS trong việc soát xét, thẩm định BCTC.

6. Định hướng hoạt động của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017 – 2022

Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện quyền và trách nhiệm của BKS, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty, cụ thể:

- Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật, điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty;
- Kiến nghị HĐQT các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh Công ty;
- Tăng cường kiểm tra, giám sát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các nghị quyết của HĐQT và quyết định của BDH Công ty;
- Giám sát việc thực hiện chế độ tiền lương, thưởng, thù lao của Người quản lý và Người lao động, việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo quy định;
- Thẩm định Báo cáo tài chính, Báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý, nhằm qua đó phân tích đánh giá tình hình tài chính và quản lý vốn tại Công ty

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Hòa Tân, kính đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Minh Đạt

TỜ TRÌNH

V/v Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết về việc thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP CN Phú Hòa Tân ban hành kèm theo Quyết định số 199/QĐ-PHT-HĐQT ngày 12/4/2021.

Căn cứ văn bản số 06/PHT-BKS ngày 10/3/2022 của Ban Kiểm soát Công ty về việc đề xuất và kiến nghị chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua:

1. Chấp thuận danh sách đề xuất 03 đơn vị kiểm toán độc lập, gồm:
 - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt;
 - Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
 - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
2. Chấp thuận chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC chính thức là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Phú Hòa Tân – đính kèm Dự thảo Hợp đồng;
3. Ủy quyền cho HĐQT chọn 01 trong 02 đơn vị kiểm toán độc lập còn lại tại mục (1) nêu trên, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2022, trong trường hợp vì lý do hay điều kiện khách quan mà Công ty không thể ký kết Hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 với đơn vị kiểm toán độc lập được chọn tại mục (2).

Trân trọng kính trình./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Thị Thanh Tâm



HÃNG KIỂM TOÁN AASC
Số: /HĐTC.FIS1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng năm 2022



HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN VÀ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Kiểm toán Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2022 và
Soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng kỳ kết thúc ngày 30/06/2022 của
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2011;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ - CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán; và Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410.
- Căn cứ vào yêu cầu của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân và khả năng đáp ứng của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Đại diện là: Ông Dương Văn Hòa
Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ: 86 Tân Hưng, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 84 – 28 – 39.552.650
Mã số thuế: 0304796249

Bên B: CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Đại diện là: Ông Đỗ Mạnh Cường
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
(Giấy ủy quyền số 010122.008/UQ.TH ngày 01/01/2022)
Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 84 - 24 - 38 241 990/1
Fax: 84 - 24 - 38.253 973
Mã số thuế: 0100111105
Tài khoản: VND 0301009689689 - USD 0301370307631
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm

Sau khi thoả thuận, hai bên nhất trí ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung Dịch vụ

1.1 Bên B sẽ cung cấp cho Bên A các dịch vụ sau:

- Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022. Dịch vụ soát xét được thực hiện với mục tiêu đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính của Bên A; và
- Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Dịch vụ kiểm toán được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Bên A.

- 1.2 Báo cáo tài chính được kiểm toán bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho các năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Các nội dung nói trên được gọi chung là "Dịch vụ"

Điều 2: Trách nhiệm của Bên A

- 2.1 Cuộc kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:
- Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;
 - Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
 - Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;
 - Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bổ trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.
- 2.2 Ban Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào "Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị", một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc Bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.
- 2.3 Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A.
- 2.4 Bên A sẽ không, trực tiếp hay gián tiếp, tuyển dụng bất cứ nhân sự nào của bên B được cử tham gia cung cấp dịch vụ trong thời gian họ đang thực hiện dịch vụ hoặc trong thời gian 12 tháng sau khi họ đã hoàn tất dịch vụ, hoặc sau khi Hợp đồng này đã được chấm dứt mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của bên B. Điều khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc bên A thực hiện các chương trình quảng cáo tuyển dụng tại bất cứ thời điểm nào cũng như không ngăn cản Bên A tuyển dụng bất cứ nhân sự nào của bên B chủ động nộp đơn xin việc theo các chương trình tuyển dụng đó.
- 2.5 Thanh toán đầy đủ phí Dịch vụ cho Bên B theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

Điều 3: Trách nhiệm của Bên B

- 3.1 Trách nhiệm của Bên B với công việc kiểm toán:
- Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSAs), pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán và soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được

thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

- b) Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán và soát xét đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các VSAs

3.2 Trách nhiệm của Bên B với công việc soát xét:

- a) Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.
- b) Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ về cơ bản hẹp hơn phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét.
- c) Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của bên B không được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhầm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.

3.3 Trách nhiệm chung của Bên B với công việc kiểm toán và soát xét:

- a) Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán và soát xét, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán và soát xét.
- b) Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán và soát xét. Theo các VSAs và Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của Bên A.
- c) Bên B thực hiện công việc kiểm toán và soát xét theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó Bên B không được tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.

Điều 4: Báo cáo và Hồ sơ kiểm toán

4.1 Sau khi kết thúc Dịch vụ, Bên B sẽ phát hành:

- a) Báo cáo soát xét báo cáo tài chính:
 - Sau khi kết thúc công tác soát xét, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A 10 bộ Báo cáo soát xét kèm theo báo cáo tài chính đã được soát xét bằng tiếng Việt. Trong đó, Bên B sẽ giữ 02 bộ.

- Báo cáo soát xét sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 và quy định pháp lý khác có liên quan.
- b) Báo cáo kiểm toán:
- Sau khi kết thúc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A 10 bộ Báo cáo kiểm toán kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bằng tiếng Việt. Trong đó, Bên B sẽ giữ 02 bộ.
 - Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.
- c) Trong trường hợp Bên A dự định phát hành Báo cáo kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Giám đốc Bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho Bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.
- 4.2 Hồ sơ kiểm toán được lập trong quá trình kiểm toán của Bên B là tài sản của Bên B. Các hồ sơ kiểm toán này thiết lập nên các thông tin mật và thuộc quyền sở hữu của Bên B và sẽ được lưu trữ theo quy định của Luật kiểm toán, thủ tục và chính sách của Bên B theo từng thời kỳ.

Điều 5: Kế hoạch thực hiện kiểm toán

Bên B dự tính lập kế hoạch kiểm toán cho năm tài chính năm 2022 như sau:

| | Thời gian dự kiến thực hiện kiểm toán | Thời gian dự kiến phát hành báo cáo |
|-----------------------------|--|--|
| Thực hiện kiểm toán giữa kỳ | Trong tháng 7/2022 | Trước ngày 15/08/2022 |
| Thực hiện kiểm toán cuối kỳ | Trong tháng 2/2023 | Trước ngày 15/03/2023 |

Điều 6: Phí Dịch vụ và phương thức thanh toán

- 6.1 Phí Dịch vụ là: **60.000.000 VND** (Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng./.) ✓
- 6.2 Phí nêu trên chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.
- 6.3 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu các bên thấy cần thiết phải mở rộng phạm vi ngoài phạm vi dịch vụ nêu tại Điều 1 hoặc phát sinh các lý do từ Bên A gây ra làm trì hoãn việc hoàn thành Dịch vụ thì giá phí dịch vụ có thể được điều chỉnh. Trong trường hợp này, hai bên sẽ cùng bàn bạc và bất kỳ sự thay đổi nào về phí dịch vụ đều phải được sự thống nhất bằng văn bản có xác nhận của hai bên.
- 6.4 Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo tiến độ như sau:
- a) Tạm ứng 50% giá trị hợp đồng sau khi Hợp đồng này được ký kết;
 - b) Thanh toán 50% giá trị hợp đồng sau khi Bên B nộp cho Bên A bản chính thức các báo cáo Dịch vụ (theo Điều 4)
- 6.5 Phí dịch vụ được thanh toán bằng đồng Việt Nam và bằng hình thức chuyển khoản, thời gian Bên A thanh toán trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hóa đơn của Bên B. Bên A chịu mọi chi phí có liên quan đến việc thanh toán cho Bên B.

Điều 7: Bảo mật

- 7.1 Trong quá trình cung cấp Dịch vụ, Bên B có thể thu thập các thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh hay các thông tin có liên quan của Bên A, được Bên A hay đại diện của Bên A

cung cấp cho Bên B, nhưng không bao gồm các thông tin đã được Bên A hoặc các bên có liên quan công khai một cách hợp lệ ("Thông tin"). Bên B sẽ đảm bảo tuân thủ theo các yêu cầu của chuẩn mực nghề nghiệp về tính bảo mật và sẽ xử lý Thông tin theo quy định của Chuẩn mực Đạo đức IFAC Mục 140 và Chuẩn mực Đạo đức Việt Nam Mục 140. Tuy nhiên, Bên B được quyền thực hiện theo bất kỳ yêu cầu nào của pháp luật, của cơ quan quản lý của mình hoặc bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào mà Bên B phải tuân thủ, yêu cầu cung cấp Thông tin. Trước khi cung cấp thông tin cho các cơ quan có thẩm quyền, Bên B sẽ gửi thông báo bằng văn bản cho Bên A trong vòng 3 ngày làm việc kể từ khi Bên B nhận được yêu cầu cung cấp thông tin.

- 7.2 Bên B có thể sử dụng phương tiện điện tử để trao đổi hoặc truyền tải thông tin và việc sử dụng này không bị coi là vi phạm các nghĩa vụ bảo mật. Hai Bên chấp nhận những rủi ro tiềm tàng bao gồm các rủi ro an ninh mạng do bị ngăn chặn hoặc bị xâm nhập bất hợp pháp vào các thông tin này, các rủi ro do bị sửa đổi làm sai lệch nội dung thông tin liên lạc và các rủi ro do bị vi rút hoặc các thiết bị nguy hiểm khác. Do đó, hai Bên phải kiểm tra vi rút tất cả thông tin liên lạc với Bên kia.

Điều 8: Thầu phụ

Bên B không được phép sử dụng thầu phụ để thực hiện toàn bộ hoặc một phần của Dịch vụ cung cấp cho Bên A theo Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 9: Bất khả kháng

- 9.1 Nếu một bên khi thực hiện hợp đồng này bị ngăn cản hay hạn chế bởi các lý do bất khả kháng như hỏa hoạn, bão lũ, động đất, chiến tranh, tranh chấp lao động, luật, chỉ thị hoặc hướng dẫn của bất cứ Chính phủ nào có liên quan đến Hợp đồng này, hay bất cứ đạo luật hoặc điều kiện khác vượt quá sự kiểm soát hợp lý của Bên đó, thì Bên đó được miễn trách nhiệm cho việc thực hiện của mình đối với phần việc ảnh hưởng, nhưng Bên đó sẽ sử dụng mọi khả năng tốt nhất của mình để tránh hay làm mất đi các nguyên nhân của việc không thực hiện và khắc phục, hoàn thành việc thực hiện hợp đồng một cách nhanh nhất.
- 9.2 Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên kia trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày gặp sự kiện bất khả kháng. Nếu Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng vi phạm quy định này thì sẽ không được miễn trách nhiệm.

Điều 10: Giới hạn trách nhiệm và bồi thường

- 10.1 **Giới hạn:** Bên A đồng ý rằng trách nhiệm cao nhất của Bên B đối với bất kỳ khoản tổn thất hay thiệt hại nào mà Bên A phải gánh chịu (dù trực tiếp, gián tiếp, hay hậu quả) có liên quan đến Hợp đồng này, bao gồm (nhưng không giới hạn) ở sự bất cẩn hoặc bỏ sót hoặc trình bày sai của Bên B, sẽ chỉ giới hạn trong khoản phí dịch vụ mà Bên B đã nhận được, và Bên A đồng ý miễn trừ trách nhiệm cho Bên B về tất cả các vụ kiện phát sinh có liên quan đến Dịch vụ mà trách nhiệm của Bên B đối với các vụ kiện này có thể vượt quá số tiền phí dịch vụ.
- 10.2 **Miễn trách nhiệm:** Bên A đồng ý rằng Bên B sẽ không chịu trách nhiệm hay không có nghĩa vụ đối với Bên A về bất cứ tổn thất, chi phí, thiệt hại nào nếu các thông tin tài liệu cho Dịch vụ được thực hiện trong Hợp đồng này bị Bên A và các bên khác cung cấp bị thiếu, từ chối, che giấu hoặc cung cấp thông tin không đúng hay không chính xác, hoặc giải trình sai cho Bên B.

Điều 11: Chấm dứt Hợp đồng

- 11.1 Hợp đồng được tự động chấm dứt khi Bên B hoàn thành các sản phẩm Dịch vụ đã quy định ở Điều 4 của Hợp đồng.
- 11.2 Bên A, hoặc Bên B có thể hủy bỏ Hợp đồng tại bất kỳ thời điểm nào bằng việc thông báo bằng văn bản trước 30 ngày tới bên kia nếu mỗi bên xác định hợp lý rằng bên kia không còn có thể cung cấp dịch vụ theo đúng pháp luật hiện hành hoặc nghĩa vụ chuyên môn.
- 11.3 Nếu Bên A hủy Hợp đồng này với bất kỳ lý do hợp lý gì (như đã đề cập ở "11.2") trước khi Bên B cung cấp sản phẩm dịch vụ đã quy định ở Điều 4 của Hợp đồng, Bên B sẽ phát hành hóa đơn yêu cầu Bên A thanh toán phí cho khoảng thời gian thực tế phát sinh do thực hiện

hợp đồng cho đến ngày hợp đồng bị hủy theo biên bản nghiệm thu công việc được hai bên thống nhất.

- 11.4 Nếu Bên A hủy Hợp đồng này với bất kỳ lý do hợp lý gì (như đã đề cập ở "10.2") sau khi Bên B đã cung cấp sản phẩm dịch vụ theo quy định ở Điều 4 của Hợp đồng, Bên B sẽ phát hành hóa đơn và yêu cầu Bên A thanh toán toàn bộ giá trị Hợp đồng như đã nêu ở Điều 5 của Hợp đồng này.

Điều 12: Luật điều chỉnh và Giải quyết tranh chấp

- 12.1 Hợp đồng này và bất kỳ nghĩa vụ ngoài hợp đồng phát sinh từ Hợp đồng này hoặc các dịch vụ sẽ được quản lý và giải thích theo luật của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- 12.2 Nếu tại bất cứ thời điểm nào Bên A muốn thảo luận với Bên B về việc cải thiện cách thức thực hiện Dịch vụ hoặc nếu Bên A phản nản về Dịch vụ được cung cấp, thì tùy theo từng trường hợp, Bên A có thể gọi điện thoại trực tiếp tới đại diện ký hợp đồng của Bên B như được nêu trong Hợp đồng này. Bên B sẽ xem xét các vấn đề đó ngay và làm mọi việc trong khả năng tốt nhất có thể để giải quyết những vướng mắc đó.
- 12.3 Nếu vấn đề đã nêu ở (12.2) không thể giải quyết được, hoặc phát sinh tranh chấp liên quan đến Dịch vụ hoặc Hợp đồng này, các bên sẽ cố gắng, trong khoảng thời gian 30 ngày sau ngày nhận được thông báo của bên kia về việc có tranh chấp, để giải quyết tranh chấp bằng việc thảo luận giữa 2 bên. Bất kỳ tranh chấp nào không thể giải quyết trong thời gian đó sẽ được giải quyết thông qua Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo các quy tắc của VIAC (trong thời gian có hiệu lực). Kết quả của Trọng tài sẽ có hiệu lực đối với các bên. Ngôn ngữ của trọng tài là tiếng Việt và địa điểm trọng tài sẽ ở Việt Nam. Bên nào thua kiện sẽ chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến quá trình khiếu kiện

Điều 13: Hiệu lực, ngôn ngữ và thời hạn hợp đồng

- 13.1 Hợp đồng này được lập thành 04 bản tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực từ ngày có đủ chữ ký và đóng dấu của cả hai bên, mỗi bên giữ 02 bản.
- 13.2 Hợp đồng tự động được thanh lý sau khi Bên A và Bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi Bên.

Đại diện Bên A
Giám đốc

Đại diện Bên B
Phó Tổng Giám đốc

DƯƠNG VĂN HÒA

ĐỖ MẠNH CƯỜNG



SAIGON WATER CORPORATION

PHUWACO

Thương hiệu cấp nước, vững bước cùng bạn!

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Số: 255 /TTr-PHT-HĐQT

TỜ TRÌNH

***V/v thực hiện quỹ tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2021;
Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2022.***

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP CN Phú Hòa Tân số 199/QĐ-PHT-HĐQT ngày 12/4/2021;

Hội đồng quản trị báo cáo việc thực hiện tiền lương, thù lao của Người quản lý (HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng) năm 2021 và trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2022 của Người quản lý như sau:

I./ Báo cáo thực hiện năm 2021:

Căn cứ kết quả hoạt động SXKD, kết quả tài chính năm 2021, Công ty báo cáo về tổng mức tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 của Người quản lý như sau:

Tổng tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021: **3.461.160.000 đồng**. Trong đó:

- + Tiền lương của NQL chuyên trách: 3.058.560.000 đồng
- + Thù lao của NQL không chuyên trách: 402.600.000 đồng

II./ Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2022:

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và tình hình thực tế tại Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua kế hoạch tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2022, với tổng số tiền: **3.012 triệu đồng**. Trong đó:

1. Tiền lương của người quản lý chuyên trách: như năm 2021. Cụ thể, được thực hiện theo quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH, với mức tiền lương bình quân chung của Người quản lý chuyên trách là **36 triệu đồng/người/tháng** và số người quản lý làm việc theo thời gian thực tế. Theo đó, tổng tiền lương sẽ là **2.592 triệu đồng**.

2. Thù lao người quản lý không chuyên trách: Như năm 2021. Cụ thể, mức thù lao bình quân cho NQL không chuyên trách là 5 triệu đồng/người/tháng. Theo đó, quỹ thù lao kế hoạch năm 2022: **5 triệu x 7 người x 12 tháng = 420 triệu đồng**.

Cuối năm, căn cứ vào kết quả SXKD, tình hình tài chính thực tế, Công ty sẽ quyết toán quỹ lương, thù lao thực hiện theo quy định.

Ngoài ra, các khoản chi phí khác cho hoạt động của HĐQT, BKS sẽ được hạch toán theo thực tế với mức tối đa là 250 triệu đồng/năm.

Trên đây là báo cáo tổng mức tiền lương, thù lao thực hiện 2021 và kế hoạch tiền lương, thù lao 2022 của Người quản lý Công ty, kính trình ĐHCĐ xem xét thông qua kế hoạch 2022. Sau khi được ĐHCĐ thông qua, HĐQT sẽ thực hiện chi trả đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành.

Trân trọng./.



Lê Thị Thanh Tâm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Số: 256 /TTr-PHT-HĐQT

TỜ TRÌNH

V/v thông qua dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Công ty mẹ) và ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, thông qua Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch khi Hợp đồng có điều chỉnh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền quyết định đối với các Hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

Căn cứ Dự thảo hợp đồng mua bán sỉ nước sạch giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Công ty mẹ).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận:

1. Chấp thuận thông qua Dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch và Bản thỏa thuận giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – đính kèm Dự thảo hợp đồng và Bản thỏa thuận.
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, thông qua các Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất khi có sự thay đổi về đơn giá, các điều khoản trong Dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch nêu trên.
3. Sau khi được ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (trên cơ sở lấy ý kiến của cổ đông/thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan) thông qua các điều chỉnh điều khoản hợp đồng và giao cho Giám đốc Công ty ký kết các Hợp đồng, Bản thỏa thuận, các phụ lục điều chỉnh Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.
4. Thời gian ủy quyền: cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TK

 **TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
CHỦ TỊCH

Lê Thị Thanh Tâm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2022

HỢP ĐỒNG MUA BÁN SỈ NƯỚC SẠCH

Số: _____/HĐ-TCT-KDDVKH



Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3624/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo hình thức công ty mẹ - Công ty con;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân;

Căn cứ Bản thỏa thuận ngày ... tháng ... năm 2022 về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân.

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2022, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

**BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN (Bên bán)**

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974.

Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 622.043.110.110.0091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Do Ông: **Nguyễn Thanh Sử**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 5381/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ông Trần Quang Minh – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HOÀ TÂN (Bên mua)

Trụ sở chính : 86 Tân Hưng, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 558 410

Fax: (84.8) 39 555 282

Tài khoản số : 6220201686868 tại Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Chợ Lớn

Mã số thuế : 0304796249

Do Ông : **Dương Văn Hòa**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Thông nhất ký kết Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022 theo các điều khoản sau:

Điều 1: Khối lượng nước mua bán.

1.1 Bên A bán và Bên B mua khối lượng nước được xác định hàng kỳ qua các đồng hồ tổng, bao gồm: đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Danh sách các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này. Các đồng hồ tổng được định nghĩa như sau:

1.1.1 Đồng hồ tổng nguồn: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước đi vào mạng lưới cấp nước của Bên B.

1.1.2 Đồng hồ tổng tách mạng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước qua lại giữa mạng lưới cấp nước của Bên B với Bên thứ ba có hợp đồng mua bán si nước sạch với Bên A.

1.1.3 Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:

1.1.3.1. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng được nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2 của điều này.

1.1.3.2. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có).

1.2 Cân chỉnh và kiểm tra đồng hồ tổng:

1.2.1 Đồng hồ tổng phải đáp ứng các yêu cầu kiểm định theo quy định về đo lường của Nhà nước khi đưa vào sử dụng.

1.2.2 Định kỳ 05 (năm) năm một lần đối với đồng hồ cơ khí và định kỳ 03 (ba) năm một lần đối với đồng hồ điện tử, hai bên sẽ tiến hành kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng để đảm bảo đồng hồ tổng luôn trong tình trạng hoạt động tốt. Chi phí kiểm tra, cân chỉnh do Bên A chịu.

1.2.3 Trong trường hợp một hoặc hai bên có yêu cầu kiểm tra, cân chỉnh do nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng, thì hai bên sẽ cùng thực hiện hoặc thuê bên thứ ba có chức năng thực hiện việc kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng. Chi phí sẽ do bên yêu cầu chịu. Trong thời gian kiểm định, cân chỉnh đồng hồ tổng thì Bên A sẽ thay thế bằng đồng hồ tổng khác để đo đếm lượng nước mua bán. Trường hợp không có đồng hồ tổng thay thế thì lượng nước mua bán sẽ được tính trung bình ngày của 03 (ba) kỳ liền kề trước đó.

1.2.4 Các kết quả kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng phải được lập thành văn bản có xác nhận của các bên tham gia.

1.2.5 Nếu đồng hồ tổng được xác định là sai, bên A sẽ thực hiện việc sửa chữa, thay thế trong thời gian sớm nhất.

1.3 Khối lượng nước mua bán trong một kỳ được xác định như Điều 2 của hợp đồng này.

1.4 Khối lượng nước tối thiểu mua bán trong một kỳ không nhỏ hơn **2.500.000 m³** (hai triệu năm trăm ngàn mét khối).

Trong trường hợp khối lượng nước mua bán nhỏ hơn lượng nước tối thiểu thì Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền nước theo lượng nước tối thiểu được xác định ở trên, trừ trường hợp được nêu tại Điều 6, Điều 8 của hợp đồng này.

Điều 2: Ghi nhận, tính toán khối lượng nước mua bán.

2.1 Ghi nhận khối lượng nước mua bán:

2.1.1 Định kỳ vào ngày 20 hàng tháng, hai bên cử đại diện cùng tiến hành ghi nhận tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) khối lượng nước mua bán trong một kỳ thông qua chỉ số tiêu thụ của các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trường hợp đối với đồng hồ tổng tách mạng, hai bên sẽ phối hợp cùng bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của bên A. Bên thứ ba và các đồng hồ tổng này được xác định trước và lập thành danh sách để tiến hành cùng ghi nhận khối lượng nước tiêu thụ.

Thời gian ghi nhận khối lượng nước mua bán thông qua số liệu của Data logger vào lúc 7h00 ngày 20 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, khối lượng nước mua bán được tính theo chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng vào ngày 20 hàng tháng. Thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút. Trường hợp ngày 20 hàng tháng rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định, thì việc ghi nhận khối lượng nước mua bán được thực hiện vào ngày liền kề sau đó và nội suy sản lượng cho ngày 20. Việc ghi nhận khối lượng nước mua bán phải được lập thành biên bản để làm cơ sở cho việc thanh toán tiền nước mua bán.

2.1.2 Khối lượng nước giảm trừ:

Khi xảy ra các trường hợp được nêu tại Khoản 7.1.3, 7.2.3 Điều 7 thì căn cứ vào biên bản ghi nhận của hai bên để tính toán khối lượng nước mua bán trong kỳ.

Khối lượng nước giảm trừ được hai bên lập thành biên bản và thống nhất chậm nhất sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được nêu tại Khoản 2.1.1 Điều 2. Sau thời gian này, nếu hai bên không thống nhất được thì khối lượng nước mua bán trong kỳ sẽ không tính khối lượng nước giảm trừ. Khối lượng nước giảm trừ sẽ tiếp tục được hai bên thống nhất vào kỳ mua bán kế tiếp.

2.1.3 Trường hợp các đồng hồ tổng gặp sự cố hư hỏng hoặc chạy bất thường, thì việc ghi nhận khối lượng nước được tính trung bình và/hoặc sẽ cùng thỏa thuận giữa các bên. Cách thực hiện được nêu tại Phụ lục 5 của hợp đồng này.

2.2 Tính toán khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán giữa hai bên là tổng khối lượng nước được ghi nhận theo quy định tại Khoản 2.1 của điều này.

Điều 3: Chất lượng nước sạch:

3.1 Chất lượng nước mua bán giữa hai bên đạt tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2018/BYT được ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế. Các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước mua bán được nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng này. Vị trí lấy mẫu nước để kiểm nghiệm chất lượng nước theo danh sách được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này. Danh mục các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước kiểm nghiệm hàng tháng được nêu tại mục II Phụ lục 2 của hợp đồng này.

3.2 Xác định vùng trách nhiệm về chất lượng nước:

3.2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ nhà máy của Bên A và/hoặc Nhà máy của các đơn vị khác mà Bên A có hợp đồng mua sỉ nước sạch đến vị trí lắp đặt đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.2.2 Trách nhiệm của Bên B:

Bên B có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ vị trí sau đồng hồ tổng nguồn đến đến đồng hồ tổng tách mạng và từ vị trí sau đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.3 Kiểm nghiệm chất lượng nước mua bán:

3.3.1 Hàng tháng, Bên A và Bên B sẽ lấy 10 (mười) mẫu nước tại vị trí các đồng hồ tổng đã chọn trước được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này để tiến hành kiểm nghiệm hoặc gửi đến một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm để kiểm nghiệm các chỉ tiêu được quy định tại mục II, Phụ lục 2 của hợp đồng này. Kết quả kiểm nghiệm là cơ sở để hai bên phân định trách nhiệm về chất lượng nước mua bán giữa hai bên. Chi phí kiểm nghiệm do Bên A chịu.

- 3.3.2 Bên B có quyền yêu cầu một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm tiến hành lấy mẫu nước tại vị trí được quy định tại Khoản 3.3.1 của điều này để kiểm nghiệm đối chiếu kết quả kiểm nghiệm chất lượng nước do Bên A thực hiện. Chi phí kiểm nghiệm này do Bên B chịu.
- 3.3.3 Nếu có xảy ra phản ánh của khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước thì hai bên cùng tiến hành kiểm tra, tìm nguyên nhân. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó chịu chi phí kiểm nghiệm và thực hiện theo Điểm 7.3.1 Khoản 7.3 Điều 7 của hợp đồng này.

Điều 4: Đơn giá mua bán

- 4.1 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3.1 Điều 1 của hợp đồng này là **6.336,74 đồng/m³**.
- 4.2 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.3.2 Điều 1 của hợp đồng này được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.
- 4.3 Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- 4.4 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 5: Thanh toán.

- 5.1 Hàng tháng Bên B thực hiện thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch như sau:
- 5.1.1 Sau ngày hai bên đã ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này thì vào ngày 05 (năm) của tháng liền sau đó Bên B phải thanh toán 50% (năm mươi phần trăm) số tiền mua bán sỉ nước sạch cho Bên A.
- 5.1.2 Tối đa sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày thanh toán được nêu tại Khoản 5.1.1, Bên B phải thanh toán dứt điểm số tiền còn lại cho Bên A.
- 5.1.3 Việc thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Nếu ngày thanh toán được nêu tại Khoản 5.1.1, 5.1.2 rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.
- 5.2 Trường hợp Bên B chậm thanh toán như quy định tại Khoản 5.1 của điều này thì phải chịu thêm lãi suất vay quá hạn hiện hành của Ngân hàng cho số tiền chậm thanh toán.

5.3 Hàng tháng, Bên A gửi cho Bên B bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Khoản 2.1 Điều 2 của hợp đồng này (phụ lục 3).
- Thông báo số tiền phải thanh toán (phụ lục 4).
- Bảng kết quả kiểm nghiệm.
- Hóa đơn bán sỉ.

Điều 6: Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước

6.1 Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:

- 6.1.1 Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.
- 6.1.2 Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/ hoặc nguồn nước của Bên A và của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.3 Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.4 Do các trường hợp bất khả kháng như được nêu tại Điều 8 của hợp đồng này. Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.2 Bên B ngưng tiếp nhận nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:

- 6.2.1 Bên A không thực hiện việc kiểm nghiệm nước sạch được quy định tại Khoản 3.3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 6.2.2 Chất lượng nước mua bán không đạt tiêu chuẩn như quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 6.2.3 Thực hiện công tác sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước theo kế hoạch. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất 02 (hai) ngày.
- 6.2.4 Khi có sự cố hư hỏng đột xuất hệ thống cấp nước của Bên B mà có thể làm gián đoạn việc tiếp nhận nước từ bên A. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo ngay khi phát hiện sự cố cho Bên A biết.

Điều 7: Trách nhiệm của các bên.

7.1 Trách nhiệm của Bên A:

- 7.1.1 Đảm bảo cung cấp nguồn nước liên tục và đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này, trừ các trường hợp bất khả kháng nêu tại Điều 8.
- 7.1.2 Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố hư hỏng trong phạm vi tài sản của mình.
- 7.1.3 Thông báo và phối hợp cùng Bên B ghi nhận, tính toán để giảm trừ khối lượng nước mua bán khi xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.
- 7.1.4 Hỗ trợ Bên B khắc phục các sự cố vượt ngoài khả năng của Bên B (khi có yêu cầu).
- 7.1.5 In hóa đơn tiền nước cho Bên B theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.
- 7.1.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch có tầm ảnh hưởng đến hoạt động của Bên A.

7.2 Trách nhiệm của Bên B:

- 7.2.1 Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.
- 7.2.2 Đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng nước đạt theo tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 7.2.3 Thông báo và phối hợp với Bên A ghi nhận các sự cố xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A để cùng tiến hành tính toán khối lượng nước mua bán được giảm trừ.
- 7.2.4 Phối hợp, hỗ trợ với bên thứ ba có sử dụng chung nguồn nước do bên A cung cấp trong việc cung cấp nước sạch. Thông báo cho Bên A các trường hợp tạm ngưng tiếp nhận nước khi tiến hành sửa chữa hệ thống mang lưới phân phối của mình, đặc biệt khi việc tạm ngưng tiếp nhận nước này làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của Bên thứ ba có hợp đồng mua bán si nước sạch với Bên A.

7.2.5 Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng, vượt phạm vi quản lý của Bên B.

7.2.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch trên địa bàn của Bên B.

7.3 Trách nhiệm chung của hai bên:

7.3.1 Tìm nguyên nhân về chất lượng nước khi có phản ánh của khách hàng. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó có trách nhiệm giải quyết, bồi thường (nếu có).

7.3.2 Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

Điều 8: Các trường hợp bất khả kháng.

8.1 Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình mà vẫn không ngăn chặn được như:

- Chiến tranh, thiên tai, địch họa, hỏa hoạn.
- Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.
- Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động sản xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà bên A ký hợp đồng mua nước sạch.
- Nước thô để sản xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.
- Những tác động không lường trước như: các đơn vị thi công cầu, đường làm hư hỏng hệ thống tuyến ống truyền tải của Bên A.

8.2 Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gửi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả để tiếp tục ngay việc mua bán, cung cấp nước sạch trong thời gian sớm nhất. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi quản lý của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.

- 8.3 Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

Điều 9: Thời hạn thực hiện hợp đồng.

- 9.1 Hợp đồng này thực hiện việc mua bán lượng nước từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022.
9.2 Trước khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới.

Điều 10: Điều khoản chung.

- 10.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.
10.2 Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.
10.3 Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.
10.4 Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Đính kèm Hợp đồng số /HĐ-TCT-KDDVKH ngày / /2022)

PHỤ LỤC 1 DANH SÁCH CÁC ĐỒNG HỒ TỔNG

1. Đồng hồ tổng nguồn (outlet):

| STT | Mã vị trí | Vị trí |
|-----|----------------|-----------------------------|
| 1 | pt1001_10M345B | Vong xoay Dan chu |
| 2 | pt1002 | 3/2 - Cao Thang 1 |
| 3 | pt1003 | 3/2 - Cao Thang 2 |
| 4 | pt1004 | 3/2 - Tran Minh Quyen |
| 5 | pt1005 | 3/2 - Le Hong Phong noi dai |
| 6 | pt1006 | 3/2 - Nguyen Tri Phuong 1 |
| 7 | pt1007 | 3/2 - Nguyen Tri Phuong 2 |
| 8 | pt1009 | 3/2 - Nguyen Lam |
| 9 | pt1010 | 3/2 - Ly Thuong Kiet |
| 10 | pt1011 | 3/2 - Le Dai Hanh 1 |
| 11 | pt1014 | Góc truong hoc Phu Tho |
| 12 | pt1015 | 3/2 Ta Uyen |
| 13 | pt1018 | 3/2 - Le Hong Phong 2 |
| 14 | pt1019 | Vong xoay cay go |

2. Đồng hồ tổng tách mạng:

| STT | Mã vị trí | Vị trí |
|-----|-----------|--|
| 15 | pt2005 | DBP - Cao Thang |
| 16 | pt2017 | Ly Thuong Kiet - Thien Phuoc |
| 17 | pt2018 | Au Co - Le Dai Hanh - Nguyen Thi Nho (04-07) |
| 18 | pt2027 | Khuon Viet - Au Co |
| 19 | pt2030 | Au Co - Le Dai Hanh |
| 20 | pt2032 | Au Co - Le Nga |
| 21 | cl2011 | Tran Nhan Ton - Hung Vuong 1 (123 Hung Vuong |
| 22 | sg2003 | Dien Bien Phu - Tran Minh Quyen (3A02) |

3. Đồng hồ tổng nguồn (Outlet) của Công ty TNHH Nước ngầm Sài Gòn

| STT | Mã vị trí | Vị trí |
|-----|-----------|---------------------------------------|
| 23 | pt4002 | Dong ho so 7- Tan Hoa - Lac Long Quan |
| 24 | pt4006 | Dong ho so 5 (Tan Hoa - Hong Bang) |

(Đính kèm Hợp đồng số

/HĐ-TCT-KDDVKH ngày / /2022)

PHỤ LỤC 2: TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2018/BYT

được ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế

MỤC I: CÁC CHỈ TIÊU VÀ THÔNG SỐ VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH:

| TT | Tên thông số | Đơn vị tính | Ngưỡng giới hạn cho phép | Tần suất thử nghiệm |
|-----------------------------------|---|-------------|--------------------------|---------------------|
| <i>Thông số vi sinh vật</i> | | | | |
| 1. | Coliform | CFU/100 mL | <3 | Tháng |
| 2. | E.Coli hoặc Conform chịu nhiệt | CFU/100 mL | <1 | Tháng |
| 3. | Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus) | CFU/ 100mL | < 1 | 06 tháng |
| 4. | Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa) | CFU/ 100mL | < 1 | 06 tháng |
| <i>Thông số cảm quan và vô cơ</i> | | | | |
| 5. | Arsenic (As) (*) | mg/L | ≤ 0.01 | 06 tháng |
| 6. | Clo dư tự do | mg/L | Trong khoảng 0,2 - 1,0 | Tháng |
| 7. | Độ đục | NTU | ≤ 2 | Tháng |
| 8. | Màu sắc | TCU | ≤ 15 | Tháng |
| 9. | Mùi, vị | - | Không có mùi, vị lạ | Tháng |
| 10. | pH | - | Trong khoảng 6,0-8,5 | Tháng |
| 11. | Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) | mg/L | ≤ 0,3 | 06 tháng |
| 12. | Antimon (Sb) | mg/L | ≤ 0,02 | 06 tháng |
| 13. | Bari (Bs) | mg/L | ≤ 0,7 | 06 tháng |
| 14. | Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B) | mg/L | ≤ 0,3 | 06 tháng |
| 15. | Cadmi (Cd) | mg/L | ≤ 0,003 | 06 tháng |
| 16. | Chì (Plumbum) (Pb) | mg/L | ≤ 0,01 | 06 tháng |
| 17. | Chỉ số pecmanganat | mg/L | ≤ 2 | 06 tháng |
| 18. | Chloride (Cl ⁻) | mg/L | ≤ 250 | 06 tháng |
| 19. | Chromi (Cr) | mg/L | ≤ 0,05 | 06 tháng |
| 20. | Đồng (Cuprum) (Cu) | mg/L | ≤ 1 | 06 tháng |
| 21. | Độ cứng, tính theo CaCO ₃ | mg/L | ≤ 300 | 06 tháng |
| 22. | Fluor (F) | mg/L | ≤ 1,5 | 06 tháng |
| 23. | Kẽm (Zincum) (Zn) | mg/L | ≤ 2 | 06 tháng |
| 24. | Mangan (Mn) | mg/L | ≤ 0,1 | 06 tháng |
| 25. | Natri (Na) | mg/L | ≤ 200 | 06 tháng |
| 26. | Nhôm (Aluminium) (Al) | mg/L | ≤ 0.2 | 06 tháng |
| 27. | Nickel (Ni) | mg/L | ≤ 0,07 | 06 tháng |
| 28. | Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) | mg/L | ≤ 2 | 06 tháng |

| | | | | |
|-----------------------------------|---|------|---------|----------|
| 29. | Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) | mg/L | ≤ 0,05 | 06 tháng |
| 30. | Sắt (Ferrum) (Fe) | mg/L | ≤ 0,3 | 06 tháng |
| 31. | Seleni (Se) | mg/L | ≤ 0,01 | 06 tháng |
| 32. | Sunphat | mg/L | ≤ 250 | 06 tháng |
| 33. | Sunfua | mg/L | ≤ 0,05 | 06 tháng |
| 34. | Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg) | mg/L | ≤ 0,001 | 06 tháng |
| 35. | Tổng chất rắn hòa tan (TDS) | mg/L | ≤ 1000 | 06 tháng |
| 36. | Xyanua (CN) | mg/L | ≤ 0,05 | 06 tháng |
| Thông số hữu cơ | | | | |
| a. Nhóm Alkan clo hóa | | | | 06 tháng |
| 37. | 1,1,1 -Tricloroetan | µg/L | ≤ 2000 | |
| 38. | 1,2 - Dicloroetan | µg/L | ≤ 30 | |
| 39. | 1,2 - Dicloroeten | µg/L | ≤ 50 | |
| 40. | Cacbonetetraclorea | µg/L | ≤ 2 | |
| 41. | Diclorometan | µg/L | ≤ 20 | |
| 42. | Tetracloroeten | µg/L | ≤ 40 | |
| 43. | Tricloroeten | µg/L | ≤ 20 | |
| 44. | Vinyl clorua | µg/L | ≤ 0,3 | |
| b. Hydrocacbua thơm | | | | 06 tháng |
| 45. | Benzen | µg/L | ≤ 10 | |
| 46. | Etylbenzen | µg/L | ≤ 300 | |
| 47. | Phenol và dẫn xuất của Phenol | µg/L | ≤ 1 | |
| 48. | Styren | µg/L | ≤ 20 | |
| 49. | Toluen | µg/L | ≤ 700 | |
| 50. | Xylen | µg/L | ≤ 500 | 06 tháng |
| c. Nhóm Benzen Clo hóa | | | | |
| 51. | 1,2 - Diclorobenzen | µg/L | ≤ 1000 | |
| 52. | Monoclorobenzen | µg/L | ≤ 300 | |
| 53. | Triclorobenzen | µg/L | ≤ 20 | |
| d. Nhóm chất hữu cơ phức tạp | | | | 06 tháng |
| 54. | Acrylamide | µg/L | ≤ 0,5 | |
| 55. | Epiclohydrin | µg/L | ≤ 0,4 | |
| 56. | Hexacloro butadien | µg/L | ≤ 0,6 | |
| Thông số hóa chất bảo vệ thực vật | | | | |
| 57. | 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan | µg/L | ≤ 1 | 06 tháng |
| 58. | 1,2 - Dicloropropan | µg/L | ≤ 40 | |
| 59. | 1,3 - Dichloropropen | µg/L | ≤ 20 | |
| 60. | 2,4-D | µg/L | ≤ 30 | |
| 61. | 2,4 - DB | µg/L | ≤ 90 | |
| 62. | Alachlor | µg/L | ≤ 20 | |
| 63. | Aldicarb | µg/L | ≤ 10 | |
| 64. | Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine | µg/L | ≤ 100 | |

| | | | |
|---|--------------------------------|-----------------|------------|
| 65. | Carbofuran | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 5 |
| 66. | Chlorpyrifos | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 30 |
| 67. | Clodane | $\mu\text{g/L}$ | $\leq 0,2$ |
| 68. | Clorotoluron | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 30 |
| 69. | Cyanazine | $\mu\text{g/L}$ | $\leq 0,6$ |
| 70. | DDT và các dẫn xuất | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 1 |
| 71. | Dichloprop | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 100 |
| 72. | Fenoprop | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 9 |
| 73. | Hydroxyatrazine | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 200 |
| 74. | Isoproturon | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 9 |
| 75. | MCPA | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 2 |
| 76. | Mecoprop | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 10 |
| 77. | Methoxychlor | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 20 |
| 78. | Molinate (**) | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 6 |
| 79. | Pendimetalin | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 20 |
| 80. | Permethrin Mg/t | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 20 |
| 81. | Propanil Uq/L | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 20 |
| 82. | Simazine | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 2 |
| 83. | Trifuralin | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 20 |
| Thông số hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ | | | |
| 84. | 2,4,6 - Triclorophenol | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 200 |
| 85. | Bromat | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 10 |
| 86. | Bromodichloromethane | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 60 |
| 87. | Bromoform | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 100 |
| 88. | Chloroform | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 300 |
| 89. | Dibromoacetonitrile | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 70 |
| 90. | Dibromochloromethane | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 100 |
| 91. | Dichloroacetonitrile | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 20 |
| 92. | Dichloroacetic acid | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 50 |
| 93. | Formaldehyde | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 900 |
| 94. | Monochloramine | $\mu\text{g/L}$ | $\leq 3,0$ |
| 95. | Monochloroacetic acid | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 20 |
| 96. | Trichloroacetic acid | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 200 |
| 97. | Trichloroaxetonitril | $\mu\text{g/L}$ | ≤ 1 |
| Thông số nhiễm xạ | | | |
| 98. | Tổng hoạt độ phóng xạ α | Bq/L | $\leq 0,1$ |
| 99. | Tổng hoạt độ phóng xạ β | Bq/L | $\leq 1,0$ |

Chú thích:

- Dấu (*) theo QCVN 01-1:2018/BYT quy định giám sát hàng tháng đối với đơn vị khai thác nước ngầm nhưng không quy định đối với nước mặt do đó đối với nước trên mạng lưới giám sát 06 tháng;

- Dấu (**) áp dụng theo giới hạn cho phép của QCVN 01:2009/BYT do QCVN 01-1:2018/BYT đề cập nhưng lại không quy định giới hạn cho phép.

MỤC II: CÁC CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM:

- | | |
|-----------------------------------|------------|
| 1. Coliform | 5. Màu sắc |
| 2. E.Coli hoặc Conform chịu nhiệt | 6. Mùi, vị |
| 3. Clo dư tự do | 7. pH |
| 4. Độ đục | |

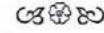
(Đính kèm Hợp đồng số

/HĐ-TCT-KDDVKH ngày / /2022)

PHỤ LỤC 3: MẪU BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ CỦA CÔNG TY CPCN PHÚ HOÀ TÂN KỲ .../...

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
XÍ NGHIỆP TRUYỀN DẪN NƯỚC SẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số: _____/BB-TDNS-QLĐHT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ CỦA CÔNG TY CPCN KỲ .../...

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., tại Công ty Cổ phần Cấp nước
chúng tôi gồm:

Bên A: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

Ông/Bà: (Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch)

Bên B: Công ty Cổ phần Cấp nước

Ông/Bà:

Cùng xác định lượng nước mua bán sỉ của kỳ .../... như sau:

Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../... (... ngày)

I. LƯỢNG NƯỚC QUA ĐỒNG HỒ TỔNG (A)

a1. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của
hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A1)

| Stt | DMA | Vị trí | Chiều tách mạng | C/s kỳ trước (.../.../...) | C/s kỳ này (.../.../...) | Lượng nước qua đồng hồ (m ³) | Ghi chú |
|------|-----|--------|--------------------|-------------------------------|-----------------------------|---|---------|
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | ... | ... | | | | | |
| CỘNG | | | | | | | |

a2. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng,
nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A2)

| Stt | DMA | Vị trí | Chiều tách mạng | C/s kỳ trước (.../.../...) | C/s kỳ này (.../.../...) | Lượng nước qua đồng hồ (m ³) | Ghi chú |
|------|-----|--------|--------------------|-------------------------------|-----------------------------|---|---------|
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | ... | ... | | | | | |
| CỘNG | | | | | | | |

a3. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng khai thác trực tiếp trên tài
sản Bên A, nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A3)

a3.1. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng là đồng hồ sau đồng hồ
tổng nguồn: (A3.1)

| Stt | DMA | Vị trí | Chiều tách | C/s kỳ trước | C/s kỳ này | Lượng nước qua | Ghi chú |
|-----|-----|--------|------------|--------------|------------|----------------|---------|
|-----|-----|--------|------------|--------------|------------|----------------|---------|

| | | | mạng | (.../.../...) | (.../.../...) | đồng hồ (m ³) | |
|-------------|-----|-----|------|---------------|---------------|---------------------------|--|
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | ... | ... | | | | | |
| CỘNG | | | | | | | |

a3.2. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng là đồng hồ tổng nguồn:
(A3.2)

| Stt | DMA | Vị trí | Chiều tách mạng | C/s kỳ trước (.../.../...) | C/s kỳ này (.../.../...) | Lượng nước qua đồng hồ (m ³) | Ghi chú |
|-------------|-----|--------|--------------------|-------------------------------|-----------------------------|---|---------|
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | ... | ... | | | | | |
| CỘNG | | | | | | | |

II. LƯỢNG NƯỚC GIẢM TRỪ (nếu có) (B)

b1. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B1)

| Stt | Số biên bản Ngày phát hành | Nội dung giảm trừ | Đơn vị thi công | Lượng nước giảm trừ (m ³) | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|-------------------|-----------------|--|---------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |

b2. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng, nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B2)

| Stt | Số biên bản Ngày phát hành | Nội dung giảm trừ | Đơn vị thi công | Lượng nước giảm trừ (m ³) | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|-------------------|-----------------|--|---------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |

b3. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng (sau đồng hồ tổng nguồn hoặc là đồng hồ tổng nguồn), nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B3)

| Stt | Số biên bản Ngày phát hành | Nội dung giảm trừ | Đơn vị thi công | Lượng nước giảm trừ (m ³) | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|-------------------|-----------------|--|---------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |

III. LƯỢNG NƯỚC GIẢM TRỪ (CHƯA THỐNG NHẤT) (C)

c1. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C1)

i. BÊN A

-
-

c.

Ý kiến đề nghị:

.....

ii. **BÊN B**

a.

b.

c.

Ý kiến đề nghị:

.....

c2. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng, nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C2)

i. **BÊN A**

a.

b.

c.

Ý kiến đề nghị:

.....

ii. **BÊN B**

a.

b.

c.

c3. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng (sau đồng hồ tổng nguồn hoặc là đồng hồ tổng nguồn), nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C3)

i. **BÊN A**

a.

b.

c.

Ý kiến đề nghị:

.....

ii. **BÊN B**

a.

b.

c.

IV. TỔNG LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ

| | | | |
|------|--|--|-------------------|
| (A) | Lượng nước qua ĐHT ($A1+A2+A3.2$) | | (m ³) |
| (A1) | Lượng nước qua các ĐH tổng nguồn nêu tại PL1 | | (m ³) |

| | | | |
|---------------------|--|--|------------------------|
| (A2) | Lượng nước qua ĐH khách hàng được xem là ĐHT nêu tại PL1 | | (m ³) |
| (A3) | Lượng nước qua ĐH khách hàng khai thác trực tiếp trên tài sản Bên A nêu tại PL2: (A3.1 + A3.2) | | (m ³) |
| (A3.1) | Lượng nước qua các đồng hồ khách hàng là đồng hồ sau đồng hồ tổng nguồn | | (m ³) |
| (A3.2) | Lượng nước qua các đồng hồ khách hàng là đồng hồ tổng nguồn | | (m ³) |
| (B) | Lượng nước giảm trừ | | (m ³) |
| (B1) | Lượng nước giảm trừ của các ĐH tổng nguồn nêu tại PL1 | | (m ³) |
| (B2) | Lượng nước giảm trừ của ĐH khách hàng được xem là ĐHT nêu tại PL1 | | (m ³) |
| (B3) | Lượng nước giảm trừ của các ĐH khách hàng được xem là đồng hồ tổng (sau đồng hồ tổng nguồn hoặc là đồng hồ tổng nguồn), nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán si nước sạch: | | (m ³) |
| (S _{PL1}) | Lượng nước thanh toán qua các ĐHT nêu tại PL1: (A1) + (A2) – (A3.1) – (B1) – (B2) | | (m ³) |
| (S _{PL2}) | Lượng nước thanh toán qua các ĐH khách hàng nêu tại PL2: (A3.1) + (A3.2) – (B3) | | (m ³) |
| | TỔNG CỘNG: (S_{PL1}) + (S_{PL2}) | | (m³) |

Bên B

Công ty CPCN

Ban GNKDT

Giám đốc

Bên A

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
Xí nghiệp truyền dẫn nước sạch

Đội QLĐHT

Giám đốc

Tổng Giám đốc

(Đính kèm Hợp đồng số

/HĐ-TCT-KDDVKH ngày / /2022)

PHỤ LỤC 4: MẪU THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số : _____/TB-TCT-.....

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN
KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN KỲ ... NĂM ...**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp nước

- Căn cứ hợp đồng mua bán si nước sạch số ... ngày ...
- Căn cứ Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán kỳ ... năm ..., ngày ... giữa Tổng Công Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thông báo số tiền Quý Công ty phải thanh toán cho khối lượng nước mua bán kỳ .../năm... như sau:

Khối lượng nước mua bán: ... m³

- Đơn giá: ... đồng/m³.
- Thành tiền: ... đồng.
- Thuế giá trị gia tăng: đồng.
- **Tổng số tiền phải thanh toán: ... đồng.**

Đề nghị Quý Công ty thanh toán tiền nước mua si vào ngày __ tháng __ năm __.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên.
- P.KTTC.
- P.KDDVKH.

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Đính kèm Hợp đồng số

/HD-TCT-KDDVKH ngày / /2022)

PHỤ LỤC 5**QUY TRÌNH XỬ LÝ, TRƯỜNG HỢP TÍNH TRUNG BÌNH
VÀ QUY TẮC ỨNG XỬ TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP GẶP SỰ CỐ,
NGHI NGỜ TÍNH CHÍNH XÁC CỦA ĐỒNG HỒ TỔNG****i. Quy trình xử lý khi đồng hồ tổng có sự cố bất thường.**

Trong trường hợp có đồng hồ tổng có chỉ số khối lượng bất thường do các sự cố như đồng hồ hư hỏng, dữ liệu của bộ ghi nhận dữ liệu không liên tục hoặc lệch với chỉ số đồng hồ, hoặc do hết pin v.v... thì thực hiện theo quy trình sau:

1.1. Bên A ghi nhận hoặc tiếp nhận thông tin đồng hồ tổng khi có sự bất thường về chỉ số và hư hỏng trong quá trình quản lý hoặc do Bên B phản ánh.

1.2. Trong thời gian không quá 02 ngày, Bên A sẽ thông báo cho các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá xác nhận tình trạng đồng hồ tổng tại hiện trường và đưa ra hướng xử lý.

1.3. Bên A sẽ lên kế hoạch triển khai và thực hiện công tác khắc phục sự cố từng trường hợp như sau:

1.3.1. Trường hợp đồng hồ hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị sự cố có thể khắc phục tại hiện trường (thay pin, thay nối dây tín hiệu, thay bộ hiển thị, đầu nối tiếp đất...) thì Bên A sẽ xử lý, khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc và có sự chứng kiến, ký biên bản xác nhận của các bên liên quan.

1.3.2. Trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố không khắc phục được tại hiện trường, Bên A sẽ phối hợp các đơn vị liên quan thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã được kiểm định trong vòng 07 ngày, đồng thời niêm phong đồng hồ hiện hữu, đem kiểm định tại cơ quan có chức năng có thẩm quyền để xác định tình trạng đồng hồ trên (biên bản niêm phong phải có xác nhận của các bên).

ii. Các trường hợp tính bình quân lượng nước cung cấp và bán sỉ trong thời gian đồng hồ tổng hư hỏng hoặc không có đồng hồ đo đếm.

2.1. *Trường hợp 1: đồng hồ tổng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng, sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ.*

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

2.2. *Trường hợp 2: đồng hồ tổng bị hư hỏng (nhiều hơn 10 ngày).*

2.2.1. Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đầy đủ, đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

2.2.2. Trong trường hợp không đủ khối lượng ổn định liên tục 03 kỳ thì tính khối lượng bình quân cho những ngày đồng hồ gặp sự cố bằng khối lượng bình quân theo số ngày thực tế đồng hồ tổng ghi nhận trước đó nhưng không ít hơn 10 ngày liên tục.

2.3. Trường hợp 3: đồng hồ tổng mới lắp đặt bị sự cố (không có dữ liệu tại các thời điểm trước đó).

2.3.1. Đồng hồ tổng có dữ liệu ít nhất 10 ngày liên tục được tính như Mục 2.2.2

2.3.2. Đồng hồ tổng có dữ liệu ít hơn 10 ngày, khối lượng tạm tính bằng không. Sau khi đồng hồ tổng được thay thế hoặc khắc phục sẽ sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian các ngày tạm tính.

2.3.3. Bên A sẽ nhanh chóng lên kế hoạch và khắc phục sự cố như mục 1.3 nêu trên.

2.4. Trường hợp 4: đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định rơi vào những ngày lễ, tết

- Khối lượng tiêu thụ vào những ngày này có thể thấp hoặc cao hơn so với ngày thường. Tính lượng nước bình quân trong thời gian đồng hồ tổng xảy ra sự cố vào dịp lễ, tết sẽ tính theo “hệ số K”.
- Khối lượng tính bình quân ngày cho thời gian đồng hồ tổng hư hỏng = K x khối lượng bình quân ngày theo mục 2.1 hoặc mục 2.2.

$$K = \frac{\text{Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước tương ứng với các ngày cần tính trung bình}}{\text{Khối lượng bình quân 10 ngày trước khi đồng hồ bị hư tương ứng của năm trước}}$$

2.5. Trường hợp 5: đồng hồ tổng hoạt động bình thường, bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng và không có chỉ số đọc trên bộ hiển thị đầu kỳ:

- Bị sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.
- Bị sự cố trên 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

2.6. Trường hợp 6: đồng hồ tổng mới thay thế có khối lượng bình quân ngày chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ:

- Đồng hồ tổng sau khi được thay thế (đảm bảo yêu cầu pháp lý kỹ thuật). Bên A sẽ theo dõi khối lượng và xử lý chênh lệch bất thường *so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ*. Khi đó khối lượng sẽ được tạm tính theo mục 2.2.
- Trường hợp này Bên B cung cấp dữ liệu các đồng hồ DMA và đồng hồ khách hàng (nếu có) khu vực lân cận (do Đồng hồ tổng này cung cấp) cho Bên A, cùng phối hợp xử lý phân tích dữ liệu, đưa ra hướng giải quyết khắc phục sự cố của đồng hồ tổng.
- Trường hợp giải quyết khắc phục theo phương án: thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ khác (hoặc sửa chữa) thì sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ được thể để tính toán lại khối lượng cho thời gian tạm tính.

iii. Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng

- 3.1. Khi Bên B nghi ngờ độ chính xác của các đồng hồ tổng thì có quyền yêu cầu Bên A thực hiện việc kiểm tra đồng hồ thông qua văn bản chính thức.
- 3.2. Sau khi nhận được yêu cầu kiểm tra đồng hồ nghi ngờ, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra bằng các thiết bị kiểm tra tại hiện trường với sự chứng kiến của các bên.
- 3.3. Trong trường hợp Bên B yêu cầu phải có kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bên A sẽ thực hiện tháo gỡ, thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã kiểm định tại vị trí này trong thời gian ngắn nhất. Đồng hồ bị nghi ngờ độ chính xác sẽ được niêm phong mang đi kiểm định tại cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- 3.4. Lượng nước mua bán sỉ trong thời gian từ khi Bên B yêu cầu kiểm tra đến khi thay tạm đồng hồ đã được kiểm định sẽ được tạm tính theo trường hợp quy định tại mục 2.2.
- 3.5. Sau khi có kết quả kiểm định, căn cứ vào kết quả:
 - 3.5.1. Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác trong giới hạn cho phép: tất cả các chi phí liên quan bao gồm phí kiểm định, chi phí tháo dỡ, lắp đặt đồng hồ và các chi phí liên quan khác sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.
 - 3.5.2. Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác vượt giới hạn cho phép: Bên A sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả chi phí liên quan.
 - 3.5.3. Lượng nước đã tạm tính ở mục 3.4 sẽ được so sánh khối lượng đo đếm thực tế 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ đã kiểm định để truy thu hoặc giảm trừ.



SAIGON WATER CORPORATION

PHUWACO

Thương hiệu cấp nước, vững bước cùng bạn!

Số: 258 /TB-PHT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2022

THÔNG BÁO

V/v Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục đề cử và tự ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân nhiệm kỳ IV (2022 - 2026)

Kính gửi: Quý Cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân được ban hành kèm theo Quyết định số 200/QĐ-PHT-HĐQT ngày 12/4/2021;

Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục đề cử và tự ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân nhiệm kỳ IV (2022 - 2026) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 15 - năm 2022, như sau:

1. QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ/ TỰ ỨNG CỬ CHỨC DANH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT):

1. Số lượng: dự kiến 06 thành viên.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên HĐQT:

- 2.1 Phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- 2.2 Thành viên Hội đồng quản trị Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty khác;

3. Quyền cổ đông đề cử hoặc tự ứng cử chức danh HĐQT:

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa 07 ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa 08 ứng viên.
- Trường hợp đề cử và ứng cử viên HĐQT vẫn không đủ số lượng cần thiết: thành viên HĐQT hoặc nhóm thành viên HĐQT đương nhiệm nắm giữ từ 20% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 40% đến dưới 60% được đề

cử 02 ứng viên; từ 60% đến dưới 80% được đề cử 03 ứng viên; từ 80% trở lên được đề cử tối đa 04 ứng viên.

II. QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ/ TỰ ỨNG CỬ CHỨC DANH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (BKS):

1. Số lượng: dự kiến 03 thành viên.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên BKS:

- 2.1 Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- 2.2 Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- 2.3 Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.
- 2.4 Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.
- 2.5 Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.
- 2.6 Không được là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền kề trước đó.
- 2.7 Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.
- 2.8 Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

3. Quyền cổ đông đề cử hoặc tự ứng cử chức danh BKS:

- Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử tối đa 06 ứng viên.
- Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, thành viên HĐQT hoặc nhóm thành viên HĐQT đương nhiệm nắm giữ từ 20% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 40% đến dưới 60% được đề cử 02 ứng viên; từ 60% đến dưới 80% được đề cử 03 ứng viên; từ 80% trở lên được đề cử tối đa 04 ứng viên;

III. HỒ SƠ THAM GIA ỨNG CỬ/ ĐỀ CỬ ĐỂ BẦU VÀO HĐQT VÀ BKS :

1. Đơn xin ứng cử hoặc đề cử để bầu vào HĐQT và BKS (theo mẫu).
2. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu).
3. Bản sao chứng thực CMND/CCCD và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.

(Quý cổ đông có thể tải các biểu mẫu nói trên tại website: www.phuwaco.com)

IV. THỜI GIAN GỬI HỒ SƠ:

Thời điểm chốt danh sách các hồ sơ tự ứng/đề cử vào HĐQT và BKS chậm nhất lúc 17h00, ngày **10/4/ 2022** (tính theo dấu bưu điện), tại địa chỉ sau:

Tổ Thư ký HĐQT - Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân

86 Tân Hưng, Phường 12, Quận 5, TpHCM

Điện thoại: (028) 38 558 410 - (028) 38 550 532

Fax: (028) 39 555 282

Ngoài phong bì cần ghi rõ “Hồ sơ ứng cử/đề cử vào HĐQT, BKS”

(Nếu fax thì phải nộp lại bản gốc khi đăng ký tham dự trước cuộc họp)

Hồ sơ đề cử / tự ứng cử gửi về Công ty sau thời hạn trên sẽ không có giá trị.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



[Signature]

Lê Thị Thanh Tâm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2022

Số:/ NQ-PHT-ĐHĐCĐ

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức & hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và các biên bản kiểm phiếu tại Đại hội ngày 14/4/2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) và Báo cáo tài chính (đã kiểm toán) năm 2021 với một số các chỉ tiêu chính:

| | |
|-------------------------------|---------------------------|
| 1- Sản lượng nước cung cấp: | 31.867.000 m ³ |
| 2- Tổng doanh thu: | 337.520 triệu đồng |
| 3- Tổng lợi nhuận trước thuế: | 12.535 triệu đồng |
| 4- Tổng lợi nhuận sau thuế: | 9.737 triệu đồng |

Điều 2. Thông qua chia cổ tức và phân phối lợi nhuận 2021:

| | |
|---|--------------------------|
| A. Mức chia cổ tức: | 6,0% = 600 đồng/cổ phiếu |
| B. Lợi nhuận phân phối: | 9.736.741.424 đ |
| - Chi cổ tức: | 5.400.000.000 đ |
| - Trích lập các quỹ: | 4.336.741.424 đ |
| Trong đó: | |
| - Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động: | 3.248.191.088 đ |
| - Quỹ thưởng Ban điều hành: | 382.320.000 đ |
| C. Lợi nhuận giữ lại: | 706.230.336 |

Điều 3. Thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch tài chính năm 2022 với các chỉ tiêu chính:

| | |
|-----------------------------|---------------------------|
| 1- Sản lượng nước cung cấp: | 33.000.000 m ³ |
| 2- Tổng doanh thu: | 368.186 triệu đồng |
| 3- Tổng lợi nhuận sau thuế: | 10.484 triệu đồng |
| 4- Mức cổ tức: | 6,50% = 650 đồng/cổ phiếu |

(Do chưa đánh giá được toàn bộ tác động của dịch bệnh Covid-19 đối với hoạt động kinh doanh của công ty nên các chỉ tiêu tại Điều 3 có thể bị điều chỉnh. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định và sẽ có báo cáo cụ thể tại ĐHĐCĐ được tổ chức năm 2023)

Điều 4. Thông qua Báo cáo số 257/BC-PHT-HĐQT ngày 22/3/2022 về hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) năm 2021 và tổng kết 5 năm nhiệm kỳ III (2017 - 2021) – Phụ lục 1.



Điều 5. Thông qua Báo cáo số 20/BC-PHT-BKS ngày 08/3/2022 về hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) và kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty và tổng kết 5 năm nhiệm kỳ III (2017 – 2021) – Phụ lục 2.

Điều 6.

1. Thống nhất danh sách đề xuất 03 đơn vị kiểm toán độc lập, gồm: (1) Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt; (2) Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, (3) Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
2. Chấp thuận chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC chính thức là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Phú Hòa Tân (đính kèm dự thảo Hợp đồng);
3. Ủy quyền cho HĐQT chọn 01 trong 02 đơn vị kiểm toán độc lập còn lại trong trường hợp vì lý do hay điều kiện khách quan mà Công ty không thể ký kết Hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 với đơn vị kiểm toán độc lập được chọn (AASC).

Điều 7. Thống nhất Tờ trình số 255/TTr-PHT-HĐQT ngày 22/3/2022 về tổng tiền lương kế hoạch năm 2022 của người quản lý chuyên trách là 2.592 triệu đồng; Tổng thù lao người quản lý không chuyên trách là 420 triệu đồng. Các khoản chi phí khác cho hoạt động của HĐQT, BKS được hạch toán theo thực tế với mức tối đa là 250 triệu đồng/năm. Cuối năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính thực tế của Công ty sẽ quyết toán quỹ lương, thù lao thực hiện theo quy định – Phụ lục 3.

Điều 8.

1. Chấp thuận Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Công ty mẹ) có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất theo Tờ trình số 256/TTr-PHT-HĐQT ngày 22/3/2022 (đính kèm dự thảo Hợp đồng).
2. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chấp thuận Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn khi điều khoản Hợp đồng có sự điều chỉnh và giao cho Giám đốc ký kết các Hợp đồng, Bản thỏa thuận, các phụ lục điều chỉnh Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.

Điều 9.

1. Thống nhất bầu 6 (sáu) thành viên tham gia Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ IV (2022 – 2026) – Phụ lục 4;
2. Thống nhất bầu 3 (ba) thành viên tham gia Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ IV (2022 – 2026) – Phụ lục 4.

Điều 10. Giao cho HĐQT, BKS, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 11. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/4/2022./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Phòng, Ban, Đội;
- Lưu.